**TUẦN 6 + 7**

*Ngày soạn: 20/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Hai (21/10/ 2024)*

**Hoạt động trải nghiệm: Tiết 16**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: SÁCH BÚT ĐỒNG HÀNH CÙNG EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học sinh tham gia chào chờ theo nghi thức trang trọng, nghiêm túc, thể hiện lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và sự biết ơn đối với các thế hệ cha ông đã hi sinh xương máu để đổi lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc.

- Tham gia chia sẻ về cách dùng sổ cẩm nang các môn học của mình. Chia sẻ cảm nghĩ sau khi theo dõi các bạn chia sẻ

- Tham gia lễ chào cờ đầu tuần nghiêm trang, tích cực.

- Biết chia sẻ về việc sắp xếp hoạt động học tập khoa học hiệu quả.

- Biết chia sẻ với bạn về cách tạo sổ và tự ghi chép thông minh vào sổ cẩm nang.

- Tôn trọng, yêu quý và giữ gìn sản phẩm hoc tập.

- Có tinh thần chăm chỉ học tập, nghiên cứu khoa học.

- Có ý thức nghiêm túc trong lễ chào cờ, nhắc nhở bạn nêu cao tinh thần trách nhiệm của bản thân để tham gia lễ chào cờ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở ghi chép, vật liệu phục vụ cho việc học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động cuả giáo viên** | **Hoạt động cuả học sinh** |
| Khởi động | - Tập trung, ổn định | Học sinh xếp hàng chuẩn bị chào cờ |
| Thực hành | 1. Tổ chức chào cờ theo nghi thức đội.  2. Sinh hoạt dưới cờ:  - Đánh giá sơ kết tuần  + Nêu ưu điểm, khuyết điểm trong tuần trước.  + Triển khai kế hoạch mới trong tuần.  - Chủ đề sinh hoạt dưới cờ: Sách bút đồng hành cùng em  + Học sinh xem video Giới thiệu sách của cô thư viện.  - Yêu cầu học sinh chia sẻ kinh nghiêm chọn sách tham khảo, sách truyện.  - Yêu cầu học sinh chia sẻ kinh nghiệm khi đọc sách.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm  - Các nhóm lên thực hiện chia sẻ nội dung nhóm lớp xây dựng  - Chia sẻ nội dung thảo luận  - Nhận xét  - Cho HS nghe bài hát Sách bút thân yêu  - Em có suy nghĩ gì khi nghe xong bài hát | - Học sinh chào cờ  - Tham gia nhận xét đánh giá  - Rút kinh nghiệm bản thân, rút kinh nghiệm cho bạn bè  - HS xem video nhận biết thêm một số cuốn sách quý giúp HS mở mang kiến thức  - Chia sẻ kinh nghiệm  - HS chia sẻ kinh nghiệm  - Tham thảo luận  - HS chia sẻ kinh nghiệm  VD:  + Sổ ghi từ tiếng việt ghi các từ hay câu văn hay để khi viết văn vận dụng  + Sổ toán: ghi công thức tón, sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức cần ghi nhớ các bài toán khó hay và cách khai thác, cách giải...  + Sổ khoa học: Ghi các thí nghiệm, số liệu khảo sát, sơ đồ tư duy kiến thức cần nhớ...  - HS chia sẻ  - Theo dõi  - HS theo dõi  - HS nêu suy nghĩ |
| Vận dụng | - Làm sổ cẩm nang cho bản thân  - Chuẩn bị cho tiết học tiếp theo | - HS thực hành vận dụng  - Chuẩn bị bài sau |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán: Tiết 30**

**LUYỆN TẬP CHUNG ( Tiết 1)**

**BÀI HỌC STEM: DỤNG CỤ HỌC SỐ THẬP PHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Môn chủ đạo: Toán

- Đọc, viết được số thập phân.

- Nhận biết được số thập phân gồm phần nguyên, phần thập phân và hàng của số thập phân.

- Làm tròn được một số thập phân tới số tự nhiên gần nhất hoặc tới số thập phân có một hoặc hai chữ số ở phần thập phân.

\* Môn tích hợp: Công nghệ

- Thiết kế được một sản phẩm thủ công kĩ thuật đơn giản theo hướng dẫn.

- Thể hiện được phẩm chất trung thực, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nhóm tạo sản phẩm và các hoạt động khác.

**II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP**

**1. Giáo viên:** Các phiếu học tập, phiếu đánh giá theo nhóm

**2. Học sinh:** Bìa trắng, bìa màu, bìa cát tông, keo dán, kéo, dập ghim

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | Chơi trò chơi: BINGO  - GV giới thiệu cách chơi:  - GV chia lớp thành các nhóm 4 – 6 HS.  - GV giới thiệu luật chơi:  + GV chia HS chơi theo nhóm. Mỗi nhóm nhận được một bảng Bingo với các ô vuông chứa các câu hỏi khác nhau.  + Lần lượt mỗi nhóm chọn một ô số bất kì và trả lời câu hỏi. Với mỗi câu trả lời đúng sẽ nhận được ngôi sao tại ô vuông tương ứng.  + Nếu những ngôi sao tìm được tạo thành những đường dọc/ngang/chéo, người chơi kêu lên “Bingo” và giành chiến thắng.  - GV cho HS chọn một ô số bất kì, bấm chuột vào ô số đó để link đến câu hỏi.  - Sau khi trả lời xong trở về thì ô số biến mất, ngôi sao hiện ra.  - Bấm Exit để kết thúc trò chơi, chuyển về bài học.  - GV khen thưởng đội thắng cuộc và chuyển vào bài học.  - GV giao phiếu học tập số 1 và yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu.  - GV mời đại diện HS lên trình bày phiếu học tập của mình.  - Các nhóm đặt câu hỏi nếu có thắc mắc hoặc muốn góp ý.  - GV nhận xét, chữa bài và chuyển sang hoạt động 1.  1. Quan sát tranh và đoán xem các bạn trong tranh đang chơi trò chơi như thế nào?  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: Quan sát tranh và đoán xem các bạn trong tranh đang chơi trò chơi như thế nào?  - GV chốt lại trò chơi mà các bạn đang chơi:  Các bạn trong tranh đang sử dụng dụng cụ để lập các số thập phân. Một bạn nêu số thập phân cần lập, bạn còn lại sử dụng dụng cụ để lập số thập phân theo yêu cầu.  - GV đặt câu hỏi: Các em có muốn học thông qua chơi giống như các bạn trong tranh không?  - GV dẫn dắt vào bài: Việc sử dụng dụng cụ trong học tập có rất nhiều lợi ích: vừa trực quan, sinh động, giúp chúng ta vừa học vừa chơi tạo không khí tươi vui, thoải mái trong học tập. Vậy chúng ta cùng làm “Dụng cụ học số thập phân” giống như các bạn trong tranh để học tập về số thập phân nhé!  “Dụng cụ học số thập phân” phải đảm bảo các yêu cầu sau:  + Sử dụng để lập các số thập phân có đến ba chữ số ở phần nguyên, ba chữ số ở phần thập phân.  + Dễ sử dụng, đảm bảo tính thẩm mĩ và chắc chắn.  - GV yêu cầu các nhóm HS, từ tiêu chí trên, hãy thảo luận để xây dựng tiêu chí cho sản phẩm của nhóm em.  - GV mời đại diện một vài HS các nhóm nêu tiêu chí sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý bổ sung.  - GV lưu ý các nhóm khác có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn để làm rõ vấn đề.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động 1 và chuyển sang hoạt động 2. | - HS chia nhóm theo yêu cầu của GV và lắng nghe luật chơi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS theo dõi.  - HS hoàn thành phiếu học tập số 1.  - HS lên trình bày.  - HS theo dõi.  - HS thảo luận và trả lời theo suy nghĩ.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS thảo luận để xây dựng tiêu chí sản phẩm cho nhóm mình.  - HS nghe tiêu chí của nhóm bạn và nhận xét, góp ý bổ sung (nếu có).  - HS theo dõi. |
| Khám phá | 2. Thực hiện các hoạt động  - GV phát phiếu học tập số 2.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi trong phiếu.  - GV chiếu ví dụ và yêu cầu HS hoàn thành theo mẫu:  Ví dụ:  a. Viết 4 số thập phân bất kì.  12,45 405,03 0,008 3,14  b. Đọc các số thập phân vừa viết.   |  |  | | --- | --- | | 12,45 | Mười hai phẩy bốn mươi lăm | | 405,03 | Bốn trăm linh năm phẩy không ba | | 0,008 | Không phẩy không không tám | | 3,14 | Ba phẩy mười bốn |   c. Sắp xếp các số thập phân viết được theo thứ tự từ bé đến lớn.  0,008 3,14 12,45 405,03  d. Nêu giá trị của từng chữ số trong mỗi số thập phân vừa viết.  e. Làm tròn các số thập phân vừa viết tới hàng phần mười.   |  |  | | --- | --- | | 12,45 | 12,5 | | 405,03 | 405,0 | | 0,008 | 0 | | 3,14 | 3,1 |   g. Làm tròn các số thập phân vừa viết tới số tự nhiên gần nhất.   |  |  | | --- | --- | | 12,45 | 12 | | 405,03 | 405 | | 0,008 | 0 | | 3,14 | 3 |   - GV mời đại diện HS lên trình bày phiếu học tập của nhóm, các nhóm khác đặt câu hỏi.  - GV nhận xét, chữa bài và tổng kết hoạt động. | - HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi.  - HS theo dõi.  - HS trình bày.  - HS theo dõi. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt : Tiết 42**

**NÓI VÀ NGHE: BẢO TỔN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết cách thảo luận vấn đề bảo tồn động vật hoang dã.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học vào thực tiễn.

- Thông qua bài học, biết yêu quý và bảo vệ những loài động vật hoang dã

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV đặt câu hỏi cho HS: Theo em, hiện nay các loài động vật hoang dã đang phải đối diện với vấn đề gì?  - GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá và gợi ý thêm: Các loài động vật đang suy giảm về số lượng do những tác động tiêu cực của con người, nhiều loài đứng trước nguy cơ tuyệt chủng, chúng ta cần có những biện pháp cấp bách để bảo vệ chúng.  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới. | - HS thảo luận nhóm đôi  - 1 số HS chia sẻ  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - Ghi bài |
| Khám phá | 1. Chuẩn bị  - GV nêu yêu cầu chung  - GV mời học sinh đọc các bước chuẩn bị  - GV HD:  + Nhớ lại tên một số loài vật hoang dã mà em biết dựa vào những sách báo đã đọc.    - HS ghi chép ý kiến mình định phát biểu.  - GV theo dõi nhận xét chung | - 1 HS đọc, lớp theo dõi  - HS làm việc cá nhân:  + Nhớ lại tên loài vật hoang dã yêu thích dựa vào những sách báo đã đọc: giới thiệu về các loài động vật, về các hoạt động bảo tồn các loài động vật.  + Liệt kê các thông tin quan trọng về thực tế liên quan đến động vật hoang dã hiện nay và những hoạt động để bảo vệ chúng.  - Thực hiện ghi chép  - HS lắng nghe. |
| Luyện tập | 2. Thảo luận  - Gọi 2 HS đọc lại yêu cầu của bài học  - HD HS thảo luận nhóm  + Người điều hành nêu các nội dung cần thảo luận    + Từng thành viên nêu ý kiến đã chuẩn bị  + Nhóm nhận xét, cử bạn trình bày trước lớp  - Tiến hành trình bày trước lớp  - GV cho HS điều hành, rút kinh nghiệm.  3. Đánh giá  - GV cho HS bình chọn  - GV đánh giá kết quả học tập của HS theo 2 nội dung :  + Những thông tin quan trọng đối với việc bảo tồn động vật hoang dã.  + Những ý kiến hay về việc làm thế nào đế bảo tồn động vật hoang dã.  - GV giới thiệu thêm một số câu chuyện thú vị về động vật hoang dã để Hs biết mà tìm đọc. | - 2 HS đọc  - Nhóm thảo luận các nội dung  + Giới thiệu tên nội dung chính thảo luận và lí do cần bảo vệ động vật hoang dã.  + Chia sẻ những chi tiết thú vị cần bảo vệ động vật hoang dã.  + Nêu suy nghĩ cảm xúc của mình về những động vật hoang dã cần bảo vệ  - Đại diện trình bày – Lớp nhận xét  - Bạn điều hành tổng hợp các ý kiến và rút kinh nghiệm về buổi thảo luận.  - HS tham gia bình chọn  - Nghe GV đánh giá  - Theo dõi GV giới thiệu để tìm đọc. |
| Vận dụng | - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: Em tiến hành chia sẻ với người thân của em và trao đổi về câu chuyện em nghe thú vị nhất  - Sưu tầm tranh ảnh và tìm đọc thêm thông tin về vịnh Hạ Long.  - GV nhận xét tiết dạy, khen ngợi, biểu dương những HS tích cực.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn:  - Em chia sẻ với người thân và lắng nghe ý kiến của người thân.  - HS lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt : Tiết 43**

**ĐỌC: MẦM NON**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Mầm non”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

- Đọc hiểu: Hiểu nghĩa của từ ngữ, hình ảnh miêu tả sự chuyển mùa của thiên nhiên qua hình ảnh thơ, biện pháp tu từ nhân hoá của tác giả. Hiểu được bài đọc muốn nói thông qua hình ảnh mầm non. Vẻ đẹp của thiên nhiên vào thời khắc chuyển mùa từ đông sang xuân. Cảm nhận được tình yêu của tác giả đối với vẻ đẹp bình dị của thiên nhiên, đất nước.

- Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc trước những vẻ đẹp của thiên nhiên, biết đồng cảm với tình yêu thiên nhiên của tác giả trong tác phẩm nghệ thuật hoặc của những người xung quanh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho HS xem video và trả lời câu hỏi: Em hãy nên sự thay đổi của thời tiết, cỏ cây,... khi mùa đông chuyển sang mùa xuân hoặc mùa khô chuyển sang mùa mưa.)  - GV nhận xét và chốt: Khi mùa đông chuyển sang mùa xuân, thời tiết, cỏ cây có sự thay đổi rõ rệt. Chẳng hạn như khí hậu sẽ ấm hơn, không còn lạnh giá. Những cơn gió rét thối vù vù được thay bằng những làn gió nhẹ nhàng. Trời bắt đầu xuất hiện những cơn mưa bụi (mưa phùn), không khí trở nên ẩm ướt. Những chồi non xuất hiện trên những cành cây, lá cây xanh mướt, những ngọn cỏ nằm ngủ im lìm dưới mặt đất bỗng trỗi dậy xanh nõn nà,...  Khi mùa khô kết thúc, mùa mưa bắt đầu, cảm nhận rõ nhất là khí hậu. Không còn cái nóng khô rang nữa. Những cơn mưa xối xả trong chốc lát đã mang lại cái mát lạnh, đầy hơi nước cho không gian. Cây cối như được tiếp thêm nguồn sống. Những tàu lá dừa, lá chuối mở xoè ra đón những hạt mưa đang rơi ào ào, xối xả. Những bụi cỏ dại ven đường, trong vườn cũng vươn cao hơn để được tắm mình trong làn mưa. Những vườn cây trở nên xanh bóng, mỡ màng,...  - GV yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ (SGK trang 64) và trả lời câu hỏi:  + Trong tranh có những hình ảnh gì?  + Các sự vật đang làm gì?  + Em có cảm nghĩ gì về bức tranh?  - GV giới thiệu: Cảnh vật trong tranh thật đẹp, giúp chúng ta cảm nhận được phần nào về cảnh sắc thiên nhiên trong bài thơ Mầm non của Võ Quảng. Vậy cô trò chúng ta cùng nhau tìm hiểu vẻ đẹp đó qua bài học hôm nay**.** | - HS theo dõi. Chia sẻ  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tranh minh hoạ.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe |
| Khám phá | 1. Luyện đọc  - GV đọc. Nêu giọng đọc: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, miêu tả cảnh vật mùa đông và mùa xuân, miêu tả hình ảnh chồi non.  - Mời HS chia đoạn  - Gọi HS đọc nối tiếp đoạn lần 1.  - Luyện đọc từ khó: nằm nép lặng im, chíp chiu chiu xuân đến …  - Luyện đọc ngắt giọng ở những câu dài:  + Thấy mây bay hối hả/ Thấy lất phất mưa phùn….  + Tức thì trăm ngọn suối/ Tức thì ngàn tiếng chim …  - Nhấn giọng vào những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp của khu rừng: hối hả, lất phất, lim dim, xanh biếc ….  - GV gọi HS đọc nối tiếp lần 2.  - GV tổ chức cho HS đọc theo nhóm  - GV gọi 2 nhóm lên thi đọc  - GV nhận xét, tuyên dương  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  2. Tìm hiểu bài  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: (khổ thơ 1, 2) Trong 2 khổ thơ đầu, mầm non được miêu tả như thế nào? Cách miêu tả đó có gì thú vị?  - GV nhận xét, chốt: Nhà thơ sử dụng những động từ chỉ hoạt động của con người để miêu tả mầm non (nằm, nép, lim dim, nhìn) khiến cho mầm non hiện lên rất sinh động. Cũng giống như con người, mầm non biết trốn đi cái rét, biết co mình lại vì sợ lạnh, cũng tò mò, muốn biết cảnh vật quanh mình như thế nào (cố nhìn). Biện pháp nhân hoá đã khiến cho mầm non hiện ra thật đẹp, ngộ nghĩnh đáng yêu.  Câu 2: Cảnh vật mùa đông hiện ra như thế nào qua cảm nhận của mầm non?  - GV yêu cầu HS đọc khổ thơ 2, 3, 4 rồi ghi lại các từ ngữ miêu tả cảnh vật mùa đông.  - Mời HS chia sẻ  - Nhận xét  Câu 3:  a) Nhờ đâu mầm non nhận ra mùa xuân đến?  b) Bức tranh mùa xuân có gì khác với bức tranh mùa đông?  - GV yêu cầu HS đọc kĩ khổ thơ thứ 3 rồi ghi lại các từ ngữ miêu tả mùa xuân.  Câu 4: Nêu nhận xét của em về hình ảnh mầm non trong khổ thơ cuối?  - GV yêu HS làm việc nhóm đôi để trả lời thêm các câu hỏi gợi ý cho câu 4.  + Những từ ngữ nào miêu tả mầm non trong khổ thơ 4?  + Nhà thơ dùng biện pháp nghệ thuật gì để miêu tả mầm non?  + Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.  - GV yêu cầu HS trình bày  - GV tổng hợp ý kiến của học sinh, giảng giải thêm:  Tác giả sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động của con người (nghe, thấy, vội, đứng dậy, khoác áo) để miêu tả mầm non. Nhà thơ đã làm cho người đọc như nhìn thấy sự trỗi dậy, vươn lên, bung nở đầy sức sống của mầm non. Mầm non cũng giống con người, phấn chấn, hào hứng trước vẻ đẹp của đất trời. Mầm non cũng tự hào, hãnh diện cuộc sống mới. Hình ảnh mầm non trong khổ thơ cuối thất đáng yêu!  Câu 5:  - GV yêu cầu HS đọc lại cả bài thơ để tìm nội dung chính của bài.  - GV mời HS nêu nội dung bài bài học.  - GV nhận xét và chốt: Bài thơ miêu tả vẻ đẹp giao mùa của thiên nhiên từ mùa đông chuyển sang mùa xuân, miêu tả sự chuyển mình, thay đổi của vạn vật khi mùa xuân về. | - HS lắng nghe  - HS chia đoạn: 6 đoạn mỗi đoạn tương ứng với 1 khổ thơ.  - 6 em đọc  - HS luyện đọc cá nhân  - 6 HS đọc  - Đọc nhóm 2  - HS thi đọc  - HS đọc  - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:  + Một mầm non nho nhỏ, nằm nép lặng, mắt lim dim, cố nhìn qua kẽ lá.  + Mây bay hối hả  Mưa phùn lất phất  Gió thổi ào ào  Rừng cây thưa thớt lá cành, lá vàng rụng đầy mặt đất.  Các loài thú vắng bóng, một chú thỏ, dẫu có xuất hiện trong bức tranh mùa đông nhưng cũng chỉ là đi tìm nơi trú nấp.  Không gian yên ắng, tĩnh mịch.  - HS chia sẻ  a) Mầm non nhận ra mùa xuân về nhờ âm thanh tiếng chim kêu, âm thanh róc rách của trăm ngàn con suối, tiếng ca vang của ngàn chim muông.  b) Bức tranh mùa xuân và mùa đông có sự khác biệt:  Âm thanh  + Mùa đông tĩnh lặng từ ngọn cỏ, làn rêu đến tiếng gió, tiếng lá reo.  + Mùa xuân tràn ngập âm thanh rộn ràng, náo nức, tiếng chim hót chíp chiu, vạn vật trong khu rừng cất tiếng hoà ca cùng tiếng chim.  Màu sắc  + Bức tranh mùa đông: có gam màu đỏ đồng của lá bàng, gam màu vàng của lá rụng.  + Bức tranh mùa xuân: màu xanh biếc của chồi non nỏi lên trên nền trời mùa xuân.  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm đôi cùng thống nhất đáp án.  - 2-3 HS trình bày.  - HS lắng nghe.  - HS đọc cá nhân.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe. |
| Thực hành | \* Luyện đọc lại  - Theo em, để thể hiện được nội dung bài đọc, cần đọc bài với giọng đọc như thế nào?  - GV nhận xét và gọi 6 HS đọc bài thơ  - GV gọi HS góp ý cách đọc của bạn.  - GV tổ chức cho HS đọc thuộc lòng bài thơ.  - GV tuyên dương HS đọc thuộc tốt bài thơ | - Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, miêu tả cảnh vật mùa đông và mùa xuân, miêu tả hình ảnh chồi non.  - 6 HS đọc nối tiếp.  - HS góp ý cách đọc của bạn.  - HS thi đua học thuộc lòng bài thơ. |
| Vận dụng | - Em hãy nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Mầm non”  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy. | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.  + Bài thơ Mầm non mang đến cho em rất nhiều cảm xúc về vẻ đẹp kì lạ nhưng cũng rất đỗi thân quen của thiên nhiên.  + Em biết được cảnh vật thay đổi theo mùa, nhất là từ mùa đông sang mùa xuân giống như nơi em sinh sống.  + Nhờ có bài thơ mà em cảm nhận sức sống diệu kì của thiên nhiên. Từng nhánh cỏ, đám mây, dòng suối đến loài vật cũng biết khao khát mùa xuân, khao khát sự sống mạnh mẽ.  - Bài thơ giúp em yêu quý thiên nhiên hơn, mang đến cho em một mong ước lắng nghe được tiếng nói của thiên nhiên.  - HS nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Đạo đức: Tiết 7**

**BÀI 2: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT (TIẾT 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thể hiện được bằng lời nói, hành động, thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.

- Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc…

- Phát triển năng lực điều chỉnh hành vi: Có hành động, lời nói, thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.

- Thấu hiểu, chia sẻ và cảm thông với những điều khác biệt của người khác về sở thích, ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc.

\* GD quyền con người: Quyền được giữ gìn bản sắc dân tộc. Quyền được bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử. Nguyên tắc quyền con người. Bổn phận đối với cộng đồng, xã hội.

\* Kĩ năng sống: Kĩ năng chấp nhận người khác: Biết nhìn nhận từ nhiều mặt để chấp nhận ưu, khuyết điểm của người khác; Vận dụng một số yêu cầu đã biết để chấp nhận người khác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SHS

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV kể cho HS nghe câu chuyện “Màu của cầu vồng” (Hạt giống tâm hồn, tập 8, NXB Tổng hợp TPHCM, năm 2008) và đặt câu hỏi: Câu chuyện cho chúng ta bài học gì?  - GV tổng kết phần trả lời và nhấn mạnh đến ý nghĩa của sự khác biệt và sự cần thiết phải vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống trong việc tôn trọng sự khác biệt.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS nghe và trả lời câu hỏi:  + Câu chuyện cho chúng ta thấy mỗi màu sắc đều có sự khác biệt và giá trị riêng biệt. Đồng thời, khi những sự riêng biệt ấy đứng chung với nhau sẽ tạo nên sự đa dạng và mang lại những điều thú vị của cuộc sống.  - HS lắng nghe |
| Luyện tập | 4. Xử lí tình huống  - GV tổ chức cho HS tiếp tục làm việc nhóm 4 HS: Đọc tình huống, thảo luận để đưa ra phương án xử lí tình huống và đóng vai thể hiện kết quả xử lí.  - GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.  - GV mời đại diện các nhóm trình bày phương án xử lí qua phần đóng vai. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá, đưa ra cách xử lí khác.  - GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập, kết quả  - GV tổng kết hoạt động, khen thưởng các nhóm làm việc tốt và tổng kết về những việc làm đúng và không đúng trong việc thể hiện tôn trọng sự khác biệt | - HS làm việc nhóm 4  - HS thực hiện nhiệm vụ, phân vai và trình bày phương án xử lí:  + Tình huống a: Em sẽ nói chuyện với Ba, để bạn hiểu và tôn trọng sở thích của mình.  + Tình huống b: Em sẽ nói với các bạn trong lớp rằng: Người khuyết tật mang trong mình những khiếm khuyết nhất định, không được lành lặn như người bình thường. Họ phải chịu nhiều khó khăn, vất vả, thiệt thòi. Chúng ta nên trò chuyện, chia sẻ và cảm thông với hoàn cảnh của các bạn.  + Tình huống c: Em nên nói với anh trai rằng: anh cứ yên tâm, em sẽ hoà hợp được với các bạn nước ngoài vì em biết tôn trọng sự khác biệt của các bạn ấy.  - HS lắng nghe |
| Vận dụng | - GV giao nhiệm vụ: Em hãy viết, vẽ, làm video, tranh kí hoạ,... về chủ đề “Tôi khác biệt" để giới thiệu về những điểm đặc biệt của bản thân mình với các bạn.  - GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh để HS trong lớp đều có cơ hội chia sẻ sản phẩm của mình và quan sát, nhận xét sản phẩm của các bạn khác.  - GV nhận xét chung về sản phẩm của HS và kết luận: Cuộc sống là một bức tranh muôn màu muôn vẻ, trong đó mỗi con người lại là một mảnh ghép riêng biệt, độc đáo mà không ai có thể thay thế. Từ đó, mỗi người trong chúng ta phải có trách nhiệm tôn trọng những sự khác biệt đó  - GV tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm đôi để chia sẻ cảm nhận về sự khác biệt của các bạn trong lớp bằng các câu hỏi:  + Bạn nào trong lớp có đặc điểm khác biệt với em?  + Em cảm thấy thế nào về điều đó?,...  - GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét, kết luận: Hoạt động học tập vừa qua cho thấy xung quanh bạn bè, người thân chúng ta ai cũng có những khác biệt thú vị. Những sự khác biệt ấy luôn cần được tôn trọng để cuộc sống chan hoà, đoàn kết, vui tươi trong tình thân thiết.  - Liên hệ giáo dục: Trong bài 2 các em đã được tìm hiểu và biết cần tôn trọng sự khác biệt của người khác. Mỗi chúng ta ai cũng có quyền được giữ gìn bản sắc dân tộc, quyền được bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử và phải có bổn phận đối với cộng đồng, xã hội không kì thị, xa lánh với những khác biệt của người khác. Ai cũng cần có kĩ năng chấp nhận người khác như biết nhìn nhận từ nhiều mặt để chấp nhận ưu, khuyết điểm của họ.  - Nhận xét giờ học  - Dặn HS thực hiện tốt những điều đã học | - HS lắng nghe  - HS tiến hành triển lãm sản phẩm của mình trong không gian lớp học.  - HS tiến hành giới thiệu bản thân thông qua sản phẩm của mình.  - HS lắng nghe  - HS chia sẻ trong nhóm và trình bày kết quả về sự khác biệt mà mình cảm nhận được ở các bạn quanh mình  - HS chia sẻ trước lớp  - HS lắng nghe  - Lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 44**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ ĐA NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm được khái niệm về từ đa nghĩa, có thể nhận biết được từ đa nghĩa và các nghĩa của từ đa nghĩa.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ da nghĩa tìm được.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

- Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc trước những vẻ đẹp của thiên nhiên

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK, vở ghi, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho HS xem một đoạn clip  (2 phút) về trận đấu bóng với bầu không khí sôi động, hào hứng của các cổ động viên Việt Nam.  - GV đặt tình huống: Cô là một bình luận viên bóng đá. Cô sẽ bình luận: “Khán đài bắt đầu **nóng** dần lên.”  Vậy các em hiểu như thế nào là **“nóng”**? Từ này có phải muốn nói đến nhiệt độ ngoài trời đang cao hay không?  - GV tổ chức cho HS chia sẻ.  - GV nhận xét, chốt lại.  - GV dẫn vào bài. Vậy để hiểu rõ từ **“nóng”** có những nghĩa nào, chúng ta cùng nhau tìm hiểu qua bài học “Từ đa nghĩa”.  - GV ghi tên bài học trên bảng. | - HS xem clip.  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ theo cách nghĩ của mình.  - HS lắng nghe.  - HS ghi bài vào vở. |
| Khám phá | Bài 1.  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu, 1 HS đọc đoạn thơ và 1 HS đọc các nghĩa của từ *mắt.*  - GV hướng dẫn cách thực hiện.  a. Tìm nghĩa thích hợp cho từ “mắt” được in đậm.  - GV gọi 2 HS đọc 2 nghĩa của từ *mắt* được in đậm trong đoạn thơ.  - GV yêu cầu HS xác định nghĩa của chúng trong từng ngữ cảnh của các câu thơ xem nghĩa đó là nghĩa nào trong các nghĩa được nêu.  - Mời HS trình bày  - GV nhận xét.  b. Trong các nghĩa của từ *mắt* nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa được phát triển từ nghĩa gốc (*nghĩa chuyển)*?  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ mắt.  - Mời đại diện nhóm chia sẻ  - Nhận xét  - GV giảng giải:  + Nghĩa gốc: là nghĩa có trước, nghĩa đầu tiên được nói đến (chỉ các bộ phận cơ thể con người, con vật)  + Nghĩa chuyển: là nghĩa được chuyển từ nghĩa gốc (không dùng để chỉ con người, con vật).  c. Các nghĩa trên của từ *mắt* có liên hệ với nhau như thế nào?  - GV yêu cầu HS so sánh sự khác nhau của nghĩa gốc và nghĩa chuyển bằng cách ghi vào Phiếu so sánh.  - GV mời đại diện nhóm trình  bày.  - GV chốt: Các nghĩa trên của từ *mắt* giống nhau ở hình dáng của sự vật mà từ gọi tên, khác nhau ở chỗ nghĩa gốc nói đến chức năng để nhìn, nghĩa chuyển thì không nói đến chức năng đó mà chỉ nhấn mạnh nghĩa về hình dáng của sự vật.  Bài 2  - GV gọi HS đọc các câu thơ, câu ca dao.  - GV yêu cầu HS dựa vào khái niệm từ đa nghĩa, dựa vào nghĩa gốc và nghĩa chuyển đã xác định trong bài tập 1 để xác định nghĩa của từ **biển** trong các câu thơ, câu ca dao.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm.  - GV mời đại diện nhóm trình bày.  - GV nhận xét và chốt lại nội dung chính của bài học.  - GV mời HS đọc ghi nhớ trong SGK | - HS đọc  - 2 HS đọc  - HS làm việc cá nhân: xác định nghĩa của từ mắt  - HS trình bày: Từ *mắt* ở vị trí 1 mang nghĩa chỗ lồi ra, giống hình con mắt ở một số vật; từ *mắt ở* vị trí 2, 3 mang nghĩa cơ quan để nhìn của người hay động vật.  - HS khác nhận xét.  - HS thảo luận nhóm đôi  - Đại diện nhóm chia sẻ: Nghĩa 1 là nghĩa gốc, nghĩa 2 là nghĩa chuyển.  - Theo dõi  - HS thảo luận nhóm đôi: so sánh sự khác nhau của nghĩa gốc và nghĩa chuyển.  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS lắng nghe.  - HS đọc các câu thơ, câu ca dao.  - HS thảo luận nhóm 4 để xác định nghĩa của từ **biển** trong các câu thơ, câu ca dao.  - Đại diện nhóm trình bày.  a. Từ *biển* chỉ khối lượng lớn trên một diện tích rộng. Đây là nghĩa chuyển.  b. Từ *biển* chỉ vùng nước mặn rộng lớn trên bề mặt Trái Đất. Đây là nghĩa gốc.  c. Từ *biển* chỉ phần của đại dương ở ven đất liền. Đây là nghĩa chuyển.  - Nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe.  - HS đọc ghi nhớ. |
| Luyện tập | Bài 3.  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT3  - GV mời HS khác đọc câu a, câu b.  - HS đọc kĩ từng câu/ đoạn thơ, dựa vào khái niệm từ đa nghĩa, đặc biệt là dựa vào kinh nghiệm xác định nghĩa của từ *mắt* ở bài tập 1 xem từ nào mang nghĩa gốc, chỉ bộ phận cơ thể người, từ nào mang nghĩa được phát triền từ nghĩa gốc đó. HS cùng suy nghĩ để xác định nghĩa của các từ đó.  - GV gọi HS trình bày kết quả.  - GV kết luận: Sử dụng từ đa nghĩa trong thơ ca làm cho cách diễn đạt thêm hay, gợi sự liên tưởng độc đáo.  Bài 4  - GV mời HS đọc yêu cầu của BT4  - GV gọi HS khác đọc nội dung câu a, câu b.  - HS làm việc cá nhân, tự đặt câu với từ đã chọn theo các nghĩa mà SHS nêu  - HS làm việc theo nhóm, từng bạn đọc các câu mà minh đặt để cả nhóm nhận xét, góp ý.  - GV đi các nhóm, ghi chép các câu văn hay, thể hiện đúng các nghĩa của từ đa nghĩa như yêu cầu của bài để chữa chung trước lớp; GV có thể chữa bài riêng cho những em viết câu chưa đúng hoặc dùng từ đa nghĩa chưa đúng yêu cầu  - GV mời một số HS đọc các câu mình đã đặt trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương: Khen ngợi các câu văn hay, diễn đạt dúng các nghĩa của từ đa nghĩa. Điều chỉnh những câu viết chưa đúng.  - GV kết luận: Khi sử dụng từ, ta cần phân biệt nghĩa của từ để đặt câu cho đúng theo ngữ cảnh. | - HS đọc yêu cầu của bài tập 3.  - HS khác đọc câu a, câu b. Cả lớp lắng nghe  - HS thực hiện cá nhân: đọc kĩ đoạn thơ, xác định từ mang nghĩa gốc, nghĩa chuyển.  - HS trình bày kết quả.  + Trong câu a, từ *lưng* mang nghĩa chuyển, nghĩa đó là “ở khoảng giữa trời”. Trong câu b, từ *lưng* được dùng ở 3 vị trí, từ *lưng ở* vị trí thứ nhất mang nghĩa chuyển, nghĩa đó là “ở khoảng giữa từ chân lên đỉnh núi”; vị trí thứ thử 2 và thứ 3, từ *lưng* mang nghĩa gốc, nghĩa đó là “bộ phận phía sau cơ thể”.  - Lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu của bài tập 4.  - HS khác đọc câu a, câu b.  - HS thực hiện cá nhân, viết VBT  - Nhóm 4  - HS trình bày kết quả. Cả lớp nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| Vận dụng | - GV chia lớp thành 2 nhóm lớn, mỗi nhóm bốc thăm gói câu hỏi và đặt 2 câu cho mỗi từ, 1 câu sử dụng từ mang nghĩa gốc, 1 câu sử dụng từ mang nghĩa chuyển.  + Gói câu hỏi 1: chua, nhạt, cao.  + Gói câu hỏi 2: mặn, ngọt, thấp.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS lắng nghe |

**Khoa học: Tiết 12**

## **BÀI 6: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ CHẤT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tóm tắt được những nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ.

- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình

huống đơn giản trong cuộc sống.

- Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** máy tính, máy chiếu.Giấy A4

**2. Học sinh:** SGK, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV yêu cầu HS:  + Thảo luận nhóm đôi, nhắc lại cho nhau nghe những nội dung đã được học trong chủ đề.  + Lần lượt trả lời thật nhanh và ngắn gọn câu hỏi: Em học được gì từ chủ đề Chất? Điều gì làm em thích nhất khi tìm hiểu về chủ đề này?  - GV dẫn dắt vào bài học mới: Hôm nay chúng ta sẽ ôn tập lại những nội dung đã được học trong chủ đề Chất. Chúng ta cùng vào Bài 6 – Ôn tập chủ đề chất. | - HS thảo luận nhóm, nhắc lại những nội dung đã học trong chủ đề.  - HS lắng nghe, ghi tên bài mới. |
| Luyện tập | 1. Tóm tắt các nội dung đã học  - GV chia lớp thành các nhóm 4, phát giấy A4, yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ 1: Tóm tắt các nội dung trong chủ đề dưới dạng sơ đồ tư duy theo cách sáng tạo mỗi nhóm.  - GV mời các nhóm trình bày phần tóm tắt nội dung đã học.  - GV nhận xét, khen ngợi nhóm trình bày tốt.  - GV chốt kiến thức đã học trong chủ đề  2. Trả lời câu hỏi và bài tập  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Thực khách thông thái”:  + Các nhóm cử đại diện lên chọn một trong số thức đơn của nhà hàng để cùng nhau chuẩn bị bài thuyết trình về các “món ăn” trong menu của nhóm.  + Mỗi thực đơn có 1 món khai vị, 1 món chính và 1 món tráng miệng. Mỗi món ăn là một phần kiến thức trong chủ đề Chất.  + Yêu cầu: Món khai vị chỉ cần nêu khái quát về nội dung yêu cầu trong thực đơn; món chính yêu cầu trình bày cụ thể, chi tiết; món tráng miệng phải giải thích cũng như xử lí một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.  - GV mời đại diện các nhóm lần lượt trình bày, các nhóm khác nghe, nhận xét và bổ sung.  - GV nhận xét và khen ngợi các nhóm trình bày đầy đủ nội dung, chốt kiến thức từng phần HS lên trình bày. | - HS hoạt động nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày nội dung đã học theo sơ đồ tư duy của nhóm mình.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS nghe và thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Đại diện nhóm trình bày:  Menu 1:  + Món khai vị: Thành phần của đất: chất khoáng, mùn, nước, không khí,...  + Món chính: Vai trò của đất đối với cây lúa: Giữ cho cây lúa đứng vững, cung cấp dinh dưỡng (chất khoáng, mùn), không khí, nước đảm bảo cho cây sống và phát triển.  + Món tráng miệng: Lợi ích của việc trồng lúa trên ruộng bậc thang ở những vùng đất có độ dốc cao: Đất ít bị xói mòn, giữ được đất, nước và các chất dinh dưỡng trong đất để cây lúa phát triển, cung cấp lượng thực cho động vật và con người.  Menu 2:  + Món khai vị: Đất bị xói mòn do mưa, gió, độ dốc, chặt phá rừng,... làm mất chất dinh dưỡng trong đất, mất đất, ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, nguồn thức ăn của động vật và đời sống sinh hoạt của con người.  + Món chính: Hỗn hợp và dung dịch:  Hỗn hợp được tạo thành từ hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau. Sau khi trộn, tính chất của các chất không thay đổi.  Hỗn hợp chất rắn với chất lỏng hoặc chất lỏng với chất lỏng hòa tan và phân bố đều vào nhau được gọi là dung dịch.  + Món tráng miệng: 2 hỗn hợp đầu là dung dịch vì đường, giấm ăn, nước mắm hòa tan trong nước lọc tạo hỗn hợp đồng nhất.  Menu 3:  + Món khai vị: Đất bị ô nhiễm do đưa vào chất các chất thải chưa xử lí hoặc sử dụng phân bón hóa học trong thời gian dài,... gây ảnh hưởng tiêu cực đến thực vật, động vật và con người.  + Món chính: Sự biến đổi từ chất này thành chất khác gọi là sự biến đổi hóa học. Ví dụ: đinh bị gỉ, than hoặc giấy bị cháy,... đều là sự biến đổi hóa học.  + Món tráng miệng: Đường trong quá trình nấu nước màu xảy ra:  Biến đổi trạng thái: Đường từ chất ở thể rắn chuyển sang thể lỏng.  Biến đổi hóa học: Đường chuyển màu từ trắng sang màu nâu vàng do chịu tác dụng của nhiệt, có cả sự thay đổi về vị, từ ngọt sang vị ngọt dịu.  Menu 4:  + Món khai vị: Để bảo vệ môi trường đất cần xử lí chất thải trước khi đưa ra môi trường, sử dụng phân bón hữu cơ, hạn chế sử dụng đồ nhựa, trồng cây gây rừng,...  + Món chính: Khi ở nhiệt độ phù hợp, chất có thể biến đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác. Ví dụ: đá trong tủ lạnh chuyển thành nước sau một thời gian bỏ ngoài tủ lạnh.  + Món tráng miệng: Để tạo nên các viên sô-cô-la có nhiều hình dạng khác nhau: Đun nóng nhẹ cho sô-cô-la hóa lỏng. Sau đó đổ vào khuôn có các hình dạng khác nhau. Để nguội và bỏ khuôn vào trong ngăn mát tủ lạnh ta sẽ thu được các viên sô-cô-la có nhiều hình dạng khác nhau. |
| Vận dụng | - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi giải ô chữ.  1. Khi trộn xi măng, cát và nước với nhau sẽ xảy ra sự biến đổi gì của chất?  2. Hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau trong đố mỗi chất giữ nguyên tính chất của nó được gọi là gì?  3. Đá bị phá vỡ sau một quá trình lâu dài dưới tác động của nhiệt, nước, không khí,... tạo thành gì?  4. Biến đổi gì xảy ra khi nước bốc hơi thành khí?  - GV nhận xét và khen ngợi HS tham gia.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học theo nội dung Em đã học. | - HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức.  - HS tham gia giải ô chữ theo hướng dẫn của GV.  - HS tìm ra các từ ở từng dòng và từ khóa ô chữ: “Chất”   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | H | O | Á | H | Ọ | C |  |  | |  |  | H | Ỗ | N | H | Ợ | P |  | |  |  |  |  | Đ | Ấ | T |  |  | | T | R | Ạ | N | G | T | H | Á | I |   - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ngày soạn: 20/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Ba (22/10/ 2024)*

**Toán: Tiết 31**

**LUYỆN TẬP CHUNG ( Tiết 2)**

**BÀI HỌC STEM: DỤNG CỤ HỌC SỐ THẬP PHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Môn chủ đạo: Toán

- Đọc, viết được số thập phân.

- Nhận biết được số thập phân gồm phần nguyên, phần thập phân và hàng của số thập phân.

- Làm tròn được một số thập phân tới số tự nhiên gần nhất hoặc tới số thập phân có một hoặc hai chữ số ở phần thập phân.

\* Môn tích hợp: Công nghệ

- Thiết kế được một sản phẩm thủ công kĩ thuật đơn giản theo hướng dẫn.

- Thể hiện được phẩm chất trung thực, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nhóm tạo sản phẩm và các hoạt động khác.

**II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP**

**1. Giáo viên:** Các phiếu học tập, phiếu đánh giá theo nhóm

**2. Học sinh:** Bìa trắng, bìa màu, bìa cát tông, keo dán, kéo, dập ghim

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Luyện tập | 3. Đề xuất ý tưởng và cách làm "Dụng cụ học số thập phân"  a) Dựa vào tiêu chí của nhóm, thảo luận và chia sẻ ý tưởng làm “Dụng cụ học số thập phân”.  - GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 6  HS.  - GV tổ chức cho các nhóm thảo luận và chia sẻ về ý tưởng làm “dụng cụ học số thập phân” theo các tiêu chí của nhóm.  - GV mời đại diện 1, 2 nhóm chia sẻ ý tưởng làm “dụng cụ học số thập phân”. GV có thể đặt các câu hỏi gợi ý:  + Sản phẩm gồm những bộ phận nào?  + Nhóm sử dụng vật liệu gì để làm sản phẩm?  + Cách làm sản phẩm như thế nào?  + Công dụng của sản phẩm là gì?  +…  + GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  b) Lựa chọn ý tưởng vàphác thảo "Dụng cụ học số thập phân".  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để lựa chọn ý tưởng, đề xuất giải pháp làm sản phẩm.  - GV mời đại diện nhóm chia sẻ ý tưởng của nhóm.  - GV giao phiếu học tập số 3 và yêu cầu HS hoàn thành.  - GV mời HS trình bày kết quả phiếu học tập số 3.  - GV mời các nhóm khác góp ý, bổ sung.  - GV tổng kết hoạt động và chuyển sang hoạt động tiếp theo.  4. Làm "Dụng cụ học số thập phân"  a. Lựa chọn dụng cụ và vật liệu.  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận lựa chọn dụng cụ và vật liệu phù hợp với ý tưởng của nhóm đã chọn.  Ví dụ: Bìa trắng, bìa màu, bìa các-tông, keo dán, dập ghim, kéo,...  b. Làm “Dụng cụ học số thập phân” theo giải pháp của nhóm em.  - GV chiếu gợi ý các bước làm trong sách trang 14 để HS tham khảo.  Bước 1: Tạo 6 bộ thẻ ghi các chữ số từ 0 đến 9.  Bước 2: Tạo giá gắn thẻ.  (Đục lỗ trên giá để gắn thẻ: 3 vị trí phần nguyên, dấu phẩy, 3 vị trí phần thập phân)  Bước 3: Gắn các thẻ lên giá và hoàn thiện sản phẩm.  - GV yêu cầu các nhóm thực hành làm sản phẩm.  GV lưu ý HS: sản phẩm cần đảm bảo các tiêu chí đề ra.  - GV theo dõi việc làm sản phẩm của cả lớp và hỗ trợ khi cần.  - Sau khi HS làm xong, GV yêu cầu HS thử nghiệm dụng cụ học số thập phân. Trong nhóm kiểm tra:  + Dụng cụ học số thập phân có lập được số thập phân có đến ba chữ số ở phần nguyên, ba chữ số ở phần thập phân không?  + Sản phẩm có chắc chắn không?  - Sau vài lần thử nghiệm dụng cụ học số thập phân, HS điều chỉnh để đảm bảo các tiêu chí của sản phẩm.  - GV nhận xét đánh giá sản phẩm của các nhóm và chuyển sang hoạt động sau. | - HS lập nhóm theo yêu cầu.  - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện nhóm chia sẻ ý tưởng làm sản phẩm của nhóm.  - Nhóm khác bổ sung.  - Thảo luận nhóm.  - HS trình bày phương án nhóm lựa chọn.  - HS hoàn thành phiếu học tập số 3.  - HS trình bày kết quả phiếu học tập số 3.  - HS góp ý, bổ sung.  - HS lựa chọn dụng cụ và vật liệu phù hợp với ý tưởng của nhóm đã chọn.  - HS theo dõi.  - Các nhóm thực hành làm sản phẩm.  - HS thử nghiệm sản phẩm, điều chỉnh sản phẩm theo các tiêu chí.  - HS theo dõi. |
| Vận dụng | 5. Sử dụng "Dụng cụ học số thập phân"  a. Trưng bày, giới thiệu sản phẩm: Dụng cụ học số thập phân  - GV tổ chức cho các nhóm trưng bày sản phẩm.  - GV cho HS thảo luận, tự đánh giá sản phẩm của nhóm mình vào phiếu đánh giá.  - GV mời HS tham quan sản phẩm của các nhóm.  - GV mời các nhóm giới thiệu sản phẩm.  (Giới thiệu về cấu tạo của dụng cụ học số thập phân gồm những bộ phận nào? Từng bộ phận làm bằng những vật liệu gì? Trên thẻ thể hiện những thông tin gì?...)  - HS đến tham quan sản phẩm có thể đề nghị được sử dụng dụng cụ học số thập phân để lập một vài số thập phân hoặc làm tròn một vài số thập phân bất kì.  - HS đánh giá sản phẩm của nhóm bạn sau khi quan sát, nghe thuyết minh và thử nghiệm với dụng cụ học số thập phân vào phiếu đánh giá.  - GV tổng kết hoạt động  Chơi trò chơi: Tôi cần  a. GV tổ chức cho HS chơi theo nhóm  - GV giới thiệu cách chơi:  Quản trò nêu một yêu cầu liên quan đến lập số thập phân hoặc làm tròn số thập phân theo một điều kiện nào đó. Người chơi sử dụng "Dụng cụ học số thập phân" để thực hiện yêu cầu, ai thực hiện nhanh và dùng được thưởng điểm. Kết thúc trò chơi, ai có nhiều điểm hơn thì thắng cuộc.  - GV mời quản trò lên điều khiển trò chơi.  - GV mời các nhóm tham gia trò chơi.  - GV tổng kết hoạt động và tuyên dương đội chiến thắng.  b. GV giao phiếu học tập số 4  - GV mời HS trình bày kết quả phiếu học tập số 4.  - GV mời các nhóm khác góp ý, bổ sung.  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động.  - GV nhắc HS chưa hoàn thiện sản phẩm và phiếu học tập hoàn thiện nốt.  - GV đề nghị HS sử dụng dụng cụ học số thập phân trong khi học toán.  - GV khen ngợi nhóm HS tốt tham gia hoạt động, động viên các nhóm làm chưa tốt để lần sau cố gắng.  - GV nhận xét và tổng kết buổi học. | - HS trưng bày sản phẩm.  - HS tự đánh giá sản phẩm của nhóm.  - Đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm.  (Ví dụ:  - Cấu tạo của dụng cụ học số thập phân gồm: thẻ và giá gắn thẻ. Được làm bằng bìa trắng hoặc bìa màu. Giá gắn thẻ được làm bằng bìa các-tông. Trên thẻ ghi các chữ số từ 0 đến 9.)  - HS đánh giá sản phẩm của nhóm bạn.  - HS theo dõi.  - 1 HS làm quản trò  - Các nhóm tham gia  - HS trình bày  - Góp ý  - Theo dõi  - Ghi nhớ  - Lắng nghe |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 45**

**VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Lập được dàn ý cho bài văn tả phong cảnh đúng yêu cầu đề bài và theo đúng các bước cần thiết.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học vào thực tiễn.

- Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc trước những vẻ đẹp của thiên nhiên

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: SGK, máy tính, máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Nêu những điều em biết về cách quan sát phong cảnh để tìm ra một số đặc điểm nổi bật của phong cảnh.  - GV nhận xét, đánh giá và gợi ý thêm:  + Quan sát bằng nhiều giác quan khác nhau.  + Quan sát ở nhiều thời điểm khác nhau.  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học | - HS chia sẻ  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS ghi bài mới. |
| Khám phá | 1. Chuẩn bị.  - GV dành thời gian cho HS nêu những điều cần nhớ sau các tiết tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (bao gồm cả cách viết mở bài, kết bài) và luyện tập quan sát phong cảnh.  - GV mời HS đọc yêu cầu của đề bài  - GV gợi ý HS suy nghĩ lựa chọn đề bài phù hợp với phong cảnh đã lựa chọn quan sát ở tiết học trước (nhưng cũng có thể chọn phong cảnh khác).  2. Lập dàn ý  - GV mời HS làm việc cá nhân, dựa vào kết quả quan sát trong hoạt động Viết ở bài 12, lập dàn ý cho đề bài đã chọn.    - GV quan sát HS trong quá trình các em thực hiện yêu cầu của tiết học, VD: đọc dàn ý của một số HS để có cách hỗ trợ phù họ  3. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý  - YC HS đọc soát dàn ý của mình (theo hướng dẫn của SHS), tự chỉnh sửa, bổ sung.  - Tổ chức cho HS làm việc theo cặp: đọc dàn ý của nhau và góp ý cho nhau. GV nhắc HS góp ý cho nhau về những cảnh vật được chọn để miêu tả, cách sắp xếp ý cho bài văn (trình tự miêu tả), những từ ngữ được chọn lựa để tả đặc điếm của phong cảnh,...  - GV nhấn mạnh những điểm cần lưu ý để viết được bài văn tả phong cảnh đúng yêu cầu. | - HS nêu lại  - HS đọc 2 đề bài. Cả lớp lắng nghe  - HS chọn 1 trong 2 đề  - HS làm việc cá nhân: Đọc thầm, đọc lướt gợi ý, hướng dẫn lập dàn ý (theo 3 phần của bài văn) trong SHS, dựa vào kết quả quan sát và những nội dung đã chuẩn bị để lập dàn ý.  - HS đọc soát và tự điều chỉnh bổ sung  - HS làm việc theo nhóm đôi  - HS lắng nghe. |
| Thực hành | - GV yêu cầu HS hoàn thiện dàn ý tả phong cảnh của mình bằng cách viết lại một dàn ý hoàn chỉnh vào vở.  - GV gọi HS đọc dàn ý của mình trước lớp.  - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV chốt.  Bài văn miêu tả phong cảnh gồm 3 phần:  + Mở bài: Giới thiệu bao quát phong cảnh cần tả.  + Thân bài: Tả chi tiết cảnh vật theo trình không gian, thời gian hợp lí.  + Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về phong cảnh, cảnh vật đã miêu tả. | - HS hoàn thiện dàn ý tả phong cảnh và viết vào vở.  - HS đọc  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe. |
| Vận dụng | - GV yêu cầu HS tìm đọc sách báo viết vè núi, hang động, các hành tinh, hệ Mặt Trời… hoặc các hiện tượng trong thế giới tự nhiên (núi lửa phun trào, lốc xoáy, mưa đá… nhằm hỗ trợ tốt cho việc viết một bài văn miêu tả phong cảnh hoàn chỉnh.  - GV nêu ý nghĩa của hoạt động: mở rộng kiến thức về thế giới tự nhiên.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - Dặn dò chuẩn bị bài sau | - HS tìm đọc.  - HS lắng nghe. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 46**

**ĐỌC: NHỮNG NGỌN NÚI NÓNG RẪY ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng từ ngữ câu đoạn và toàn bộ văn bản “Những ngọn núi nóng rẫy”. Biết đọc nhấn giọng ở những từ ngữ mang nội dung quan trọng của bài (từ khoá).

- Đọc hiểu: Nhận biết được các thông tin về núi lửa. Hiểu được sự hình thành của núi lửa. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản: Núi lửa là một hiện tượng tự nhiên vô cùng độc đáo và thú vị.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**:SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV trình chiếu cho HS xem một số hình ảnh về những ngọn núi.  - GV yêu cầu HS quan sát và cho biết những ngọn núi có gì đặc biệt?  - GV đặt câu hỏi gợi ý:  + Hình dạng của những ngọn núi đó như thế nào?  + Màu sắc của những ngọn núi?  + Phần đỉnh núi (phần chóp) của các ngọn núi có gì đặc biệt?  - Mời HS chia sẻ  - Các em đoán đây là núi gì?  - GV giới thiệu: Ba bức tranh này đều có hình ảnh trung tâm là núi, với phân chóp rất đặc biệt vì bị hõm xuống, không giống các ngọn núi thông thường. Chúng đều là núi lửa. Khi nghe đến núi lửa, chắc các em sẽ hình dung ra những quả núi đang phun trào dữ dội, gây sợ hãi cho những sinh vật sống xung quanh. Nhưng khi những quả núi lửa không còn hoạt động nữa, chúng trông thật đẹp và bình yên, ví dụ như hình ảnh trong những bức tranh các em vừa xem. Thậm chí, có những quả núi lửa còn trở thành điểm du lịch nổi tiếng của các quốc gia vì cảnh đẹp rất nên thơ và yên bình.  - GV yêu cầu HS nêu tên núi của từng bức tranh.  - GV giảng giải thêm:  + Bức tranh đầu tiên: Núi Phú Sĩ ở Nhật Bản. Đây là ngọn núi cao nhất Nhật Bản và cao thứ 7 thế giới. Núi Phú Sĩ ngừng hoạt động. Lần phun trào cuối là năm 1707 – 1708. Núi Phú Sĩ được phủ tuyết khoảng 5 tháng/năm, là biểu tượng của đất nước Nhật Bản, đồng thời là một danh lam thắng cảnh đặc biệt, một di tích lịch sử của Nhật Bản, được vào danh sách di sản thế giới của UNESCO.  + Bức tranh thứ hai: Núi lửa Diamond Head (Đỉnh Kim Cương hay còn gọi là Đỉnh Gió Hú) ở Hoa Kỳ. Núi lửa này cũng đã ngừng hoạt động. Miệng núi lửa hình đĩa rộng, được hình thành khoảng 150.000 năm trước, núi chỉ phun trào một lần duy nhất. Đến nay, núi lửa này đã trở thành điểm tham quan hấp dẫn vì phong cảnh đẹp.  + Bức tranh 3: Núi Bromo ở Indonesia. Núi lửa này vẫn còn hoạt động. Cảnh quan xung quanh núi hùng vĩ tuyệt đẹp nên ngọn núi này đã được cộng nhận là kì quan thiên nhiên thế giới mới.  - GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc.  - GV nói thêm: tranh minh hoạ này rất hữu ích trong việc hỗ trợ các em tìm hiểu thông tin của bài đọc. Khi đọc bài đọc, các em cần chú ý quan sát tranh minh hoạ đế hiểu rõ nội dung thông tin của bài.  - GV giới thiệu bài đọc: Đây là một văn bản thông tin về núi lửa. Các em cùng đọc bài để biết sự hình thành của núi lửa được giải thích như thế nào. | - HS xem một số hình ảnh về những ngọn núi.  - HS quan sát và nêu điểm đặc biệt của những ngọn núi.  - HS thảo luận nhóm đôi theo câu hỏi gợi ý.  - 1 số HS chia sẻ. VD: Đều là những ngọn núi rất đẹp, đều là những ngọn núi lớn,...).  - HS chia sẻ  - Theo dõi  - HS nêu theo hiểu biết  - HS lắng nghe.  - HS qua sát và nêu nội dung tranh minh hoạ bài học: Tranh vẽ nhiều loại núi lửa khác nhau  (quả núi hình nón, hình tròn thoai thoải)  - Lắng nghe |
| Khám phá | 1. Luyện đọc  - GV đọc mẫu. Nêu giọng đọc: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả.  - Cho HS chia đoạn  - GV gọi 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn (lần 1)  - GV gọi HS nhận xét các bạn đọc  - GV hướng dẫn đọc từ khó:  + Núi lửa, hình nón, nóng rẫy, thoai thoải, nung chảy, kẽ nứt, nóng chảy….  - GV hướng dẫn HS ngắt nghỉ đúng khi đọc câu dài.  + Để hiểu núi lửa hình thành ra sao,/ bạn biết/ Trái Đất được tạo bởi nhiều lớp khác nhau,/ y hệt một củ hành khổng lồ/ với nhiều lớp áo.  + Vậy là/ nếu mặt đất tự nhiên nứt ra/ và từ kẽ nứt đó trào ra một thứ đá nóng chảy,/ thì chắc chắn là/ chúng ta đang thấy một quả núi lửa đấy.  - GV nhận xét HS đọc.  - GV gọi 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn lần 2.  - GV nhận xét và gọi HS đọc từ chú giải  - GV giải thích thêm từ khó:  + Nóng rẫy: rất nóng, do nhiệt độ cao quá mức của lửa, điện….  + Mác – ma: đá nóng chảy trong lòng đất.  - GV tổ chức cho HS đọc theo nhóm  - Gọi 2 nhóm đọc  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV gọi 1 em đọc toàn bài.  2. Tìm hiểu bài  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Những đặc điểm dưới đây của núi lửa được miêu tả như thế nào?  - GV phát Phiếu học tập, yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 69 rồi trả lời câu hỏi.    - Mời đại diện nhóm TB  - GV cùng lớp nhận xét  Câu 2: Vì sao trái đất được miêu tả “y hệt một củ hành khổng lồ”? Em nghĩ gì về hình ảnh đó?  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại văn bản, tìm các chi tiết để trả lời câu hỏi.  - GV cùng lớp nhận xét  Câu 3: Lớp vỏ Trái Đất và mác-ma bên dưới được miêu tả như thế nào?  - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc kĩ lại các chi tiết miêu tả lớp vỏ Trái Đất và mác-ma bên dưới để tìm ý trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu HS trao đổi và thống nhất ý kiến trong nhóm.  - GV mời đại diện nhóm trình bày.  - GV cùng lớp nhận xét  Câu 4; Núi lửa được hình thành ra sao?  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân  - Mời HS chia sẻ kết quả  - Nhận xét  Câu 5: Trao đổi với bạn về các thông tin trong bài đọc theo gợi ý.  - GV phát Phiếu học tập, yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 69 rồi trả lời câu hỏi.    - GV mời đại diện nhóm chia sẻ.  - GV khuyến khích HS chia sẻ càng nhiều càng tốt theo hiểu biết và cảm nhận riêng của mình  - GV nhận xét, khen những HS có chia sẻ hay, nhiều thông tin phong phú, biết diễn đạt rõ ràng, rành mạch.  - Qua bài đọc em hiểu được gì?  **-** GV chốt và yêu cầu HS ghi vở nội dung bài học. | - HS nghe  - HS chia đọạn  + Đoạn 1: Từ đầu đến trong nước biển nữa.  + Đoạn 2: Tiếp theo đến hêt.  - 2 HS đọc nối tiếp đoạn  - HS nhận xét  - HS đọc cá nhân  - Luyện đọc cá nhân  - HS nghe  - HS đọc  - HS giải thích  - Lắng nghe  - HS đọc theo nhóm  - 2 nhóm chia sẻ trước lớp  - HS đọc toàn bài  - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi  - HS làm việc nhóm 4  + Về hình dáng: Một số hình nón, một số hình tròn thoai thoải.  + Về hoạt động: Một số phun lửa, một số phun khói, khí hoặc các đám mây tro.  + Về tiếng động: Một số nổ với tiếng động kinh hoàng, một số chỉ rít lên khe khẽ.  + Về vị trí: Một số trên mặt đất, một số hoạt động ngầm trong nước biển.  - HS trình bày  - Làm việc cá nhân. 1 số HS chia sẻ ý kiến.  + Vì cả Trái Đất và củ hành đều có đặc điểm cấu tạo là gồm nhiều lớp khác nhau.  + Củ hành là một sự vật quen thuộc, vì thế hình ảnh này so sánh rất sinh động, giúp hình dung ra cấu tạo các lớp của Trái Đất. (HS có thể diễn tả củ hành mà em biết và nêu sự liên tưởng thú vị với Trái Đất hoặc nêu nhận xét của bản thân).  - HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại văn bản, tìm các chi tiết để trả lời câu hỏi.  - HS trao đổi trong nhóm 2, cả nhóm góp ý và bổ sung đáp án.  - HS trình bày  + Lớp vỏ Trái Đất: rất cứng, là nơi con người đi lại, nhảy hót, nơi có thể nứt ra.  + Mác-ma: đá nóng chảy, đặc quánh, giống như cháo đặc sôi lục bục ở nhiệt độ 1 300 độ C.  - Suy nghĩa tìm câu trả lời  - HS chia sẻ  + Do nhiều nguyên nhân, mác-ma sôi sục và len lên trên, xuyên qua kẽ nứt ở lớp vỏ và phun trào, tạo thành núi lửa.  - Làm việc cá nhân, sau đó trao đổi với bạn cùng bàn  + Thông tin em đã biết: Núi lửa hình nón; Núi lửa phun lửa; Dưới lớp vỏ của Trái Đất là mác-ma sôi sùng sục.  + Thông tin mới đối với em: Núi lửa hình tròn thoai thoải; Một số núi lửa ngầm dưới nước; Một số núi lửa phun lửa hoặc khói, khí và các đám mây tro; Một số núi lửa chỉ rít khe khẽ.  + Thông tin em thấy thú vị nhất: Mác-ma giống như cháo đặc, sôi lục bục ở nhiệt độ 700 – 1300 độ C; Trái Đất giống như củ hành.  + Thông tin em muốn biết thêm: Quá trình hoạt động của núi lửa: trước khi phun trào, trong khi phun trào, sau khi phun trào.  - 1 số HS chia sẻ  - Nhận biết được các thông tin về núi lửa. Hiểu được sự hình thành của núi lửa. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản: Núi lửa là một hiện tượng tự nhiên vô cùng độc đáo và thú vị.  - HS ghi vở |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lịch sử và Địa lí: Tiết 12**

**BÀI 5: NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học này, giúp học sinh:

- Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.

- Hình thành và phát triển một số năng lực:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc trình bày sự ra đời của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc với việc tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.

+ Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động cá nhân, nhóm.

- Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên thông qua tìm hiểu cội nguồn của dân tộc từ thời Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc.

- Có ý thức trân trọng và giữ gìn, phát huy những di tích lịch sử, truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp có từ thời Văn Lang, Âu Lạc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc.

**2. Học sinh**

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc

- SGK, đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1.Khởi động**  **2. Hình thành kiến thức**  **3. Thực hành, luyện tập**  **4.Vận dụng** | - GV giới thiệu câu ca dao:  Dù ai đi ngược về xuôi  Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba.  + Ngày giỗ tổ mà câu ca dao nhắc đến là ngày giỗ của ai?  + Em biết gì về các vua Hùng?  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.  **Hoạt động 1: Sự ra đời của nhà nước Văn Lang (làm việc nhóm 4)**  - GV yêu cầu HS kết hợp đọc thông tin mục a, quan sát hình 1 và trả lời các câu hỏi:  + Nhà nước Văn Lang ra đời vào khoảng thời gian nào?  + Nhà nước Văn Lang được hình thành ở khu vực nào?  + Sự ra đời của nhà nước Văn Lang được phản ánh thông qua truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học nào?  + Đứng đầu nhà nước Văn Lang là ai?  + Kinh đô nước Văn Lang đặt ở đâu?  - GV mời đại diện các nhóm trình bày  - GV nhận xét, tuyên dương và giới giới thiệu một số hiện vật thuộc văn hóa Đông Sơn ở hình 1:  + Rìu đồng là công cụ lao động, có hình lưỡi hài, gót vuông, trang trí hoa văn phong phú như hình người, hình động vật.  + Trống đồng Đông Sơn được phát hiện đầu tiên tại Đông Sơn (Thanh Hóa). Trống đồng là nhạc cụ sử dụng trong các lễ hội, vừa là trống lệnh trong chiến đấu.  - GV cho HS xem video sự ra đời của nhà nước Văn Lang qua sự tích ***con Rồng cháu Tiên***:  <https://www.youtube.com/watch?v=s4D8W1Rajns>  - GV kết luận.  **Hoạt động 2: Sự ra đời của nhà nước Âu Lạc (làm việc nhóm đôi)**  - GV yêu cầu HS kết hợp đọc thông tin mục a, quan sát hình 2, 3 và trả lời các câu hỏi:  + Nước Âu Lạc ra đời vào khoảng thời gian nào?  + Đứng đầu nhà nước Âu lạc là ai?  + Kinh đô nước Âu Lạc đặt ở đâu?  - GV mời đại diện các nhóm trình bày  - GV nhận xét, tuyên dương và giới thiệu hình 2 và 3:  + Hình 2: Lẫy nỏ và mũi tên đồng được tìm thấy ở Cổ Loa: Các mũi tên đồng được cấu tạo gồm 3 bộ phận: đầu nhọn, trụ và chuôi cùng có mặt cắt ngang hình tam giác.  + Hình 3: Đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa: còn gọi là đền thượng nay thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, TP Hà Nội.  - Đất nước ta đã trải qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, là học sinh các em cần phải làm gì để xây đựng đất nước ngày càng giàu đẹp?  - GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm một số di tích lịch sử liên quan đến thời Văn Lang, Âu Lạc trên sách báo...... | - HS theo dõi  + Ngày giỗ của các vua Hùng.  + HS trả lời theo hiểu biết.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi:  + Khoảng thế kỉ VII TCN  + Hình thành ở lưu vực các dòng sông thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.  + Truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên và bằng chứng khảo cổ học thuộc nền văn hóa Đông Sơn như: lưỡi cày, rìu, đồ gốm, trống đồng.  + Hùng Vương  + Phong Châu (Phú Thọ)  - HS trình bày kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe.  - HS xem video.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tranh, đọc thông tin và thảo luận trả lời câu hỏi:  + Nước Âu lạc ra đời vào khoảng năm 208 TCN.  + Thục Phán – An Dương Vương  + Kinh đô đặt ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội)  - HS trình bày  - HS chú ý lắng nghe.  + HS trả lời theo hiểu biết  Ví dụ: thực hiện tốt năm điều Bác hồ dạy  - HS lắng nghe và thực hiện |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ngày soạn: 20/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Tư (23/10/ 2024)*

**Toán: Tiêt 32**

**BÀI 15. KI-LÔ-MÉT VUÔNG. HÉC-TA (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km2  (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km2, ha).

- Vận dụng được các đơn vị đo diện tích km2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta) vào bài giải bài tập.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

- Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint, bảng nhóm.

**2. Học sinh:** Sách giáo khoa, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho HS xem video về diện tích các tỉnh, thành phố  - GV hỏi: Để đo diện tích lớn như: một tỉnh, một thành phố, một khu rừng… ta dùng đơn vị đo diện tích nào?  - GV dẫn dắt vào bài mới: Vậy ki – lô – mét vuông là gì? Đây có phải là đơn vị đo diện tích dùng để đo diện tích lớn như một thành phố, một khu rừng,...?” Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay. | - HS xem video  - HS trả lời theo hiểu biết của bản thân  - HS lắng nghe. |
| Khám phá | - GV chiếu hình ảnh và yêu cầu HS quan sát, đọc bóng nói và trả lời câu hỏi: Quan sát hình cho ta biết điều gì?  - GV giới thiệu: “Để đo diện tích lớn như diện tích một thành phố, một khu rừng hay một vùng biển,... người ta thường dùng đơn vị ki – lô – mét vuông”.  - GV nêu ví dụ: Cho hình vuông có cạnh dài 1000 m. Diện tích của hình vuông đó là bao nhiêu mét vuông?  - GV cho HS trao đổi kết quả bạn cùng bàn.  - Mời HS chia sẻ  - Ta có thể viết diện tích hình vuông trên theo đơn vị đo ki – lô – mét vuông như thế nào?  - GV giới thiệu kiến thức:  + Ki – lô – mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh 1 km.  + Ki – lô – mét vuông viết tắt là km2.  + 1 km2 = 1 000 000 m2  - Mời HS nhắc lại | - HS quan sát hình, trả lời  - HS chú ý lắng nghe  - HS trả lời:  + Diện tích hình vuông là:  1000 1000 = 1 000 000 (m2)  + Đổi 1000m = 1km  Diện tích hình vuông đó là:  1 1 = 1 (km2)  - HS chú ý lắng nghe, ghi nhớ |
| Hoạt động | Bài 1  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV mời HS thực hiện nhóm đôi.  - Mời 2 HS lên báo cáo  - GV cùng lớp nhận xét  Bài 2  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở, 1 HS làm bảng phụ  - Mời HS chia sẻ kết quả  - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) | - HS đọc đề bài, lớp theo dõi.  - HS làm việc nhóm  - 1 HS đọc, 1 HS viết  + 822 km2 + 0,44 km2  + Bảy trăm hai mươi tám phẩy sáu ki-lô-mét vuông.  + 16 490 km2  - HS đọc  - Lớp làm bài  - HS chia sẻ  a) 2 km2 = 2 000 000 m2  4 km2 500 m2 = 4 000 500 m2  b) 5 000 000 m2 = 5 km2  6 450 000 m2 = 6,45 km2  - Nhận xét bài bạn  - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) |
| Vận dụng | Bài 3.  - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.  - GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.  - GV gọi HS chia sẻ kết quả.  - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)  - Cho HS nhắc lại mối quan hệ giữa km2 m2  - Nhận xét giờ học  - Chuẩn bị giờ sau | - HS đọc yêu cầu của đề bài.  - HS làm bài cá nhân vào vở.  - 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.  - HS chia sẻ kết quả.  + Mảnh đất A có diện tích là:  7 x 3 = 21 (km2)  + Mảnh đất B có diện tích là:  5 x 5 = 25 (km2)  + Mảnh đất C có diện tích là:  6 x 4 = 24 (km2)  Như vậy mảnh đất được chọn là mảnh đất B vì mảnh đất Bcó diện tích lớm nhất.  - HS nhận xét bổ sung.  - HS lắng nghe. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán: Tiết 33**

**BÀI 15. KI-LÔ-MÉT VUÔNG. HÉC-TA (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km2, ha).

- Vận dụng được các đơn vị đo diện tích km2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta) vào bài giải bài tập.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

- Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint, bảng nhóm.

**2. Học sinh:** Sách giáo khoa, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học  - GV dẫn dắt vào bài mới: Ở tiết học trước, các em đã được tìm hiểu về ki – lô – mét vuông. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu thêm đơn vị đo diện tích héc – ta nhé” | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| Khám phá | - GV yêu cầu HS quan sát hình và đọc thông tin  - Quan sát hình cho ta biết điều gì?  - Theo em, đơn vị đo hec-ta dùng để đo diện tích nào?  - GV yêu cầu HS đọc lại phần giới thiệu héc-ta ở khung xanh trong SGK trang 54. | - HS quan sát và đọc  - HS trả lời theo hiểu biết của bản thân  - Để đo diện tích đất trong những ngành như nông nghiệp, lâm nghiệp,.. người ta thường dùng đơn vị héc – ta”.  - HS đọc lại phần giới thiệu héc-ta.  + Héc-ta là diện tích của hình vuông có cạnh dài 100 m.  + Héc-ta viết tắt là ha.  + 1 ha = 10 000 m2  1 km2  = 100 ha. |
| Luyện tập | Bài 1  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau trao đổi cùng thống nhất kết quả.  - GV gọi HS chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, chữa bài cho HS.  Bài 2  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài.  - GV yêu cầu HS làm vào vở  - GV gọi HS nêu kết quả.  - GV nhận xét. | - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.  - Làm việc nhóm  - Các nhóm chia sẻ kết quả.  Vườn quốc gia Bạch Mã: 22 031 ha; Điện Thái Hòa: 1 360 m2; Tỉnh THừa Thiên Huế: 5 054 km2  - Các nhóm khác nhận xét  - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)  - HS đọc  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Nối tiếp nêu  a) 3 km2 = 300 ha  b) 40 000 ha = 4 km2  c) 64 800 ha = 648 km2 |
| Vận dụng | Bài 1  - GV mời 1 HS đọc đề bài.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi  - GV mời đại diện nhóm có kết quả nhanh nhất trình bày.  - GV nhận xét, chữa bài và chốt đáp án  Bài 2  - GV mời 1 HS đọc đề bài.  - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở.  - GV mời HS trình bày.  - GV nhận xét, chữa bài và chốt đáp án  - Nhận xét giờ học  - Dặn dò chuẩn bị bài sau | - HS đọc  - HS thảo luận  - HS trình bày  Ta có: 123 326 ha = 1 233,26 km2; Vậy vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng có diện tích là 1 233,26 km2. Chọn đáp án C  - HS đọc  - HS làm vào vở.  Bài giải  Diện tích khu đất là:  200 200 = 40 000 (m2)  Ta có: 40 000 m2 = 4 ha.  Vậy khu đất có diện tích là 4 ha. |

**Tiếng Việt: Tiết 47**

**ĐỌC: NHỮNG NGỌN NÚI NÓNG RẪY ( TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc hiểu: Nhận biết được các thông tin về núi lửa. Hiểu được sự hình thành của núi lửa. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản: Núi lửa là một hiện tượng tự nhiên vô cùng độc đáo và thú vị.

- Có ý thức quan sát, chú ý đến những hiện tượng tự nhiên quanh mình, có mong muốn trải nghiệm và khám phá thế giới xung quanh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**:SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Luyện tập | 1. Luyện đọc lại  **-** GV yêu cầu HS đọc trước lớp (2 em, mỗi em đọc 1 đoạn), đọc nối tiếp diễn cảm bài đọc.  - GV mời HS nhận xét nhóm đọc.  - GV nhận xét, bình chọn nhóm đọc tốt nhất.  - Làm việc cá nhân: HS tự đọc toàn bài.  2. Luyện tập theo văn bản  - GV giới thiệu: Các bài tập phần này giúp HS mở rộng vốn từ về thiên nhiên (về các hiện tượng tự nhiên gây tác hại cho đời sống con người) và luyện tập về từ đa nghĩa.  - GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu.  - GV nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức học (làm việc cá nhân trước khi trao đổi, thống nhất câu trả lời trong nhóm hoặc lớp).  - GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.  - Mời HS báo cáo kết quả  Câu 1.Tìm những từ ngữ chỉ hiện tượng tự nhiên có thể gây thiệt hại nặng nề cho đời sống con người. (M: động đất,...)  Câu 2.Trong các cặp từ ngữ dưới đây, từ “quả” và từ “lửa” nào được dừng với nghĩa gốc, từ “quả ” và từ “lửa ” nào được dùng với nghĩa chuyển?  a. quả núi – quả cam  b. núi lửa - ngọn lửa ước mơ  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của từ quả và từ lửa trong mỗi trường hợp. HS có thể tra từ điển.  - GV giải thích thêm: Nghĩa gốc của từ quả là bộ phận của cây do bầu nhuỵ hoa phát triển thành, bên trong thường chứa hạt (quả cam). Còn từ quả trong quả núi đã chuyển nghĩa, dùng với nghĩa chỉ từng đơn vị những vật có hình giống như quả cây (quả cầu, quả đất, quả núi,...).  + Từ lửa trong phun lửa được dùng với nghĩa gốc, còn lửa trong ngọn lửa ước mơ được dùng với nghĩa chuyển. Vì nghĩa gốc của từ lửa là “nhiệt và ánh sáng phát sinh đồng thời từ vật đang cháy” (phun lửa), còn lửa trong ngọn lửa ước mơ là trạng thái tinh thần, tình cảm sục sôi, mạnh mẽ (ước mơ mãnh liệt hệt như ngọn lửa cháy).  - GV cùng lớp nhận xét | - HS luyện đọc lại diễn cảm  - HS nhận xét  - HS đọc bài  - Lắng nghe  - HS đọc thầm yêu cầu 1, 2  - Làm việc cá nhân, sau đó trao đổi với bạn cùng bàn, thống nhất kết quả  - HS báo cáo  - động đất, lũ lụt, bão, lốc xoáy, sóng thần, mưa đá, sương muôi, núi lửa phun,  - Từ quả trong quả núi được dùng với nghĩa chuyển, còn quả trong quả cam được dùng với nghĩa gốc. |
| Vận dụng | - Cả lớp vừa tìm hiểu một hiện tượng thú vị của tự nhiên trên Trái Đất chúng ta. Vì thế chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ hành tinh của mình nào?  - GV nhận xét, dặn dò HS về nhà. | - HS suy nghĩ cá nhân và nêu một số việc làm tốt tại trường, lớp hoặc nơi em ở. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 48**

**VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ PHONG CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết cách viết các đoạn văn trong bài văn tả phong cảnh (cách triển khai ý trong đoạn văn, cách lựa chọn từ ngữ, cách sử dụng biện pháp so sánh,...) để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học vào thực tiễn.

- Có ý thức quan sát, chú ý đến những hiện tượng tự nhiên quanh mình; có mong muốn trải nghiệm và khám phá thê giới xung quanh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK và các đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết văn miêu tả đã học ỡ những năm học trước.  + Lớp 2 và lớp 3: Luyện viết bài văn tả phong cảnh.  + Lớp 4: Luyện viết đoạn văn và bài văn tả con vật, cây cối.  - GV gợi cho HS nhớ lại chuỗi bài học về viết văn tả phong cảnh: Trước khi viết đoạn văn tả phong cảnh, các em đã được tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tả từng bộ phận, từng vẻ đẹp của phong cảnh hoặc tả cảnh theo những thời điểm, thời gian khác nhau), được luyện viết mở bài, kết bài, được học cách quan sát phong cảnh, cách lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh. Hôm nay, các em được luyện viết đoạn văn trong bài văn tả phong cảnh. Trong bài văn tả phong cảnh, ngoài đoạn mở bài và kết bài, phần thân bài có thể viết thành nhiều đoạn văn.  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. | - HS nhắc lại cách viết văn miêu tả đã học ỡ những năm học trước.  - HS lắng nghe. |
| Khám phá | 1. Đọc các đoạn văn và trả lời câu hỏi.  - GV mời HS đọc yêu cầu  a. Đoạn văn thứ nhất:  - GV mời 1 HS đọc đoạn văn trước lớp. (GV có thể sưu tầm và giới thiệu một số tranh minh hoạ về những dòng suối chảy trong khung cảnh rừng núi.)  - Tổ chức HS trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để chuẩn bị câu trả lời cho 3 câu hỏi trước khi phát biểu trước lớp.  - Mời 2 - 3 HS đại diện nhóm trả lời 3 câu hỏi trước lớp.  + Đoạn văn tả phong cảnh gì?  + Tác giả quan sát, cảm nhận vẻ đẹp của phong cảnh bằng những giác quan nào?  + Phong cảnh được miêu tả theo trình tự thời gian hay không gian?  - GV cùng lớp nhận xét  - GV mời 1 - 2 HS nêu những chi tiết yêu thích trong đoạn văn.  b. Đoạn văn thứ 2:  - YC HS làm việc theo nhóm 4: Từng em đọc thầm đoạn văn rồi viết vắn tắt câu trả lời ra giấy. Sau đó, nhóm trưởng mời các thành viên trong nhóm trả lời câu hỏi dưới đoạn văn. Cả nhóm nhận xét, góp ý, thống nhất câu trả lời.  - Mời đại diện nhóm trình bày  + Tìm câu chủ đề của đoạn văn.  + Theo em, tác giả đã quan sát biển, trời vào những thời điểm nào?  + Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh so sánh và nhân hoá trong đoạn văn?  - GV đặt câu hỏi: Em học được những gì về cách tả phong cảnh qua các đoạn văn vừa nêu?  - GV nhận xét, chốt: Bài tập 1 đã giúp các em làm quen với cách viết đoạn văn tả phong cảnh**.** Cách viết này rất sinh động, tự nhiên, bước đầu giúp các em biết cách viết đoạn văn trong bài văn miêu tả phong cảnh. | - 1 HS đọc. Cả lớp lắng nghe  - 1 HS đọc, lớp lắng nghe  - HS làm việc theo cặp, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra câu trả lời:  - Đại diện nhóm trả lời  + Đoạn văn miêu tả dòng suối nhỏ trong rừng trúc.  + Tác giả quan sát và cảm nhận vẻ đẹp của cảnh vật bằng nhiều giác quan: mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi …  + Tác giả miêu tả cảnh vật theo trình tự không gian.  - HS chia sẻ  - Làm việc nhóm 4 theo HD  - Đại diện nhóm TB, các nhóm đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn  + Câu chủ đề: Câu mở đầu của đoạn văn (Biển luôn thay đổi màu tuỳ theo sắc mây trời).  + Tác giả quan sát biển trời vào những ngày, vào những lúc thời tiết khác nhau: lúc trời xanh thẳm, lúc rải mây trắng nhạt, lúc trời âm u mây mưa, lúc trời ầm ầm dông gió.  + Những câu văn có chứa hình ảnh so sánh, nhân hoá:  Trời xanh thẳm, biển cũng thẳm xanh như dâng cao lên, chắc nịch.  Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đăm chiêu, gắt gỏng.  + Tác dụng của hình ảnh so sánh và nhân hoá trong đoạn văn giúp ta thấy biển như gần gũi, giống với con người, tả hình ảnh của biển và trời mây như nét tính cách của con người một cách đặc sắc, biểu cảm.  - HS chia sẻ |
| Luyện tập | 2. Viết đoạn văn tả một đặc điểm nổi bật của cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - GV nhắc HS: 2 đoạn văn ở bài 1 đều là cảnh sông nước, các em có thể học tập để viết đoạn văn tả phong cảnh mình lựa chọn.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết đoạn văn tả phong cảnh vào VBT  - GV hỗ trợ những em còn hạn chế về kĩ năng viết (kĩ năng tìm ý, kĩ năng dùng từ, viết câu,...). Hỗ trợ, khích lệ những em có năng lực, phát huy khả năng sáng tạo trong việc lựa chọn từ ngữ làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh,...  - GV đọc lướt bài làm của HS, có thể góp ý để các em có thể sửa chữa, dự kiến mời một số em đọc bài trước lớp, cả lớp nhận xét.  - GV mời một số HS đọc bài trước lớp.  - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét khen ngợi HS viết được các đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của phong cảnh, biết cách quan sát, phát hiện đặc điểm của phong cảnh hoặc viết được câu văn hay, dùng từ độc đáo ….  - GV mời HS nêu những điểm cần nhớ khi viết đoạn văn tả phong cảnh.  - GV nhận xét, tuyên dương HS. | - 1 HS đọc. Cả lớp lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS thực hành viết đoạn văn.  - HS đọc bài trước lớp.  - Cả lớp nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe.  - HS nêu  - HS lắng nghe. |
| Vận dụng | - GV tổ chức cho HS chia sẻ ý kiến tự đánh giá bài làm của mình và bạn  - GV nhận xét tiết dạy. | - HS chia sẻ  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

*Ngày soạn: 21/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Năm (24/10/ 2024)*

**Toán: Tiết 34**

**BÀI 16. CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhắc lại và củng cố kiến thức về các đơn vị đo diện tích đã học.

- Thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

- Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint, bảng nhóm.

**2. Học sinh:** Sách giáo khoa, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV tổ chức trò chơi khởi động  - GV dẫn dắt vào bài mới: “Tiết trước, các em đã được học cách chuyển đổi giữa các đơn vị đo diện tích (km2, ha, m2). Hôm nay, cô trò mình hãy cùng nhau hệ thống lại các đơn vị đo diện tích đã học và ôn tập cách chuyển đổi giữa các đơn vị đo diện tích đó. Chúng ta vào bài mới Bài 16: Các đơn vị đo diện tích | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| Khám phá | - GV chiếu hình ảnh và yêu cầu HS quan sát, đọc bóng nói.  - GV nêu câu hỏi: Em hãy nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã được học  - GV nêu câu hỏi: Trong các đơn vị đo diện tích đã học:  + Đơn vị đo diện tích nào lớn nhất?  + Đơn vị đo diện tích nào nhỏ nhất?  + Em hãy có nhận xét gì về mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích?  - GV hệ thống lại các đơn vị đo diện tích bằng bảng | - HS quan sát hình ảnh và đọc  - HS nhắc lại  - HS trả lời:  + Ki – lô – mét vuông  + Mi – li – mét vuông  + Trong bảng đơn vị đo diện tích:  Đơn vị lớn gấp 100 lần đơn vị bé tiếp liền.  Đơn vị bé bằng lần đơn vị lớn tiếp liền. |
| Hoạt động | Bài 1  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV mời HS quan sát hình của bài tập trong SGK trang 57, trao đôi nhóm đôi  - Mời HS chia sẻ kết quả trao đổi  - GV cùng lớp nhận xét.  Bài 2  - GV yêu cầu HS xác định đề bài.  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.  - GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.  - GV gọi HS nối tiếp báo cáo kết quả.  - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai). | - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.  - HS quan sát hình, làm việc nhóm chọn đáp án đúng  - Đại diện chia sẻ: Đáp án D  - HS làm bài vào vở.  - 2 HS đổi vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.  - Nối tiếp báo cáo.  a) 5 km2 = 500 ha  12 km2 = 1 200 dm2  6 dm2 = 600 cm2  b) 600 ha= 6 km2  2 500 dm2 = 25 m2  900 cm2 = 9 dm2  c) 2 m2 5 dm2 = 205 dm2  40 cm2 4 mm2 = 4004 mm2  615 dm2 = 6 m2 15 dm2  - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) |
| Vận dụng | Bài 3  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả.  - GV gọi HS nêu kết quả.  - GV nhận xét.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm để ước lượng số đo diện tích của một số đồ vật trong lớp.  - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả.  - HS nêu kết quả.Chọn đáp án B.  - HS thảo luận theo nhóm.  - HS lắng nghe. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng Việt: Tiết 49**

**ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc mở rộng: Đọc văn bản thông tin về vật thể hoặc hiện tượng tự nhiên (núi, hang động, gió, mưa, động đất …), viết được phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về thông tin đã đọc.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học vào thực tiễn.

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức quan sát, chú ý đến những hiện tượng tự nhiên quanh mình; có mong muốn trải nghiệm và khám phá thế giới xung quanh.

**-** Tích cực đọc sách, đọc các câu chuyện mở rộng để rèn luyện thói quen đọc sách và đưa ra suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV trình chiếu cho HS xem một clip về núi lửa phun trào.  - GV đặt câu hỏi:  + Em thấy gì qua đoạn clip vừa xem?  + Nêu cảm xúc của em khi xem clip.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn vào bài mớ | - HS theo dõi  - HS chia sẻ |
| Khám phá | 1. Đọc phiếu đọc sách  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu 1.  - GV yêu cầu HS quan sát phiếu đọc sách và cho biết: Bạn Châu Anh đã ghép những gì vào phiếu đọc sách?  + Cá nhân đọc phiếu đọc sách  + Thảo luận với bạn về nội dung thông tin cần đưa vào phiếu đọc sách.  - Mời HS chia sẻ  + Ngày đọc  + Tên sách  + Các thông tin cơ bản về núi lửa.  + Điều ấn tượng nhất về núi lửa.  + Cảm nhận chung về bài đọc  - Nhận xét  2. Đọc sách báo về núi, hang động, đại dương, các hành tinh trong hệ Mặt Trời,... hoặc hiện tượng trong thế giới tự nhiên (núi lửa phun trào, lốc xoáy, mưa đá,...).  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập.  - Tổ chức cho HS đọc cá nhân  - GV có thể chuẩn bị cho HS một số sách báo theo nội dung bài. | - 1 HS đọc. Cả lớp lắng nghe  - HS quan sát. HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm đôi trả lời.  - HS chia sẻ  + Ngày đọc: 18/10/2024  + Tên sách; Lợi ích từ núi lửa  + Các thông tin: Núi lửa mang đến nhiều lợi ích cho con người (nguồn tài nguyên, khoáng sản, đất đai màu mỡ, điểm thu hút khách du lịch.)  + Điều ấn tượng: có khoảng 500 triệu người sinh sống gần núi lửa, có nhiều thành phố lớn nằm gần kề các ngọn núi lửa.  + Cảm nhận: Núi lửa không chỉ là một thảm hoạ mà còn là một kho báu.  - HS tự đánh giá.  - HS đọc  - HS đọc sách báo |
| Thực hành | 3. Viết phiếu đọc sách và dựa vào đó chia sẻ với các bạn những thông tin mà em đọc được.  - GV hướng dẫn HS viết phiếu đọc sách, khuyến khích các em thiết kế các mẫu phiếu theo sự sáng tạo của từng em.  - GV định hướng HS trao đổi, chia sẻ với bạn những thông tin đã đọc được.  Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin bạn chia sẻ.  - Mời 1 số HS chia sẻ phiếu đọc sách  - GV nhận xét tuyên dương.  - GV tổng kết, khen ngợi HS đọc được nhiều thông tin thú vị, chia sẻ nhiều thông tin bổ ích; động viên HS nói tự tin trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến | - HS viết phiếu đọc sách.  - HS chia sẻ nhóm 2  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe. |
| Vận dụng | - GV giao việc cho HS:  + Trao đổi với người thân về những ngọn núi lửa nổi tiếng trên thế giới.  + Sưu tầm tranh ảnh về những điểm du lịch được hình thành từ núi lửa để chia sẻ cùng bạn trong tiết học sau.  - GV nhắc học sinh tìm thêm sách báo để đọc và giới thiệu cho nhau những sách báo tìm được về núi lửa.  - GV tống kết giờ học và khen ngợi các HS đã tham gia tích cực vào bài học.  - GV mời HS chia sẻ về những nội dung em đã học trong bài 14  - GV nhận xét  - Dặn dò bài về nhà | - HS lắng nghe nhiệm vụ  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS chia sẻ  + Đọc - hiểu: Những ngọn núi nóng rẫy.  + Viết: Viết đoạn văn tả phong cảnh.  + Đọc mở rộng: Đọc sách báo về núi, hang động, đại dương, các hành tinh trong hệ Mặt Trời,... |

*Ngày soạn: 23/10/2024*

*Ngày soạn: Thứ Sáu (25/10/ 2024)*

**CÔNG NGHỆ: Tiết 5**

**Bài 2: NHÀ SÁNG CHẾ (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học, giúp HS:

Năng lực công nghệ: Nêu được lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.

- Năng lực tự chủ, tự học: HS được khuyến khích tìm hiểu về vai trò các sáng chế được sử dụng trong gia đình và đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ những ngữ liệu cho sẵn trong bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia vào các hoạt động học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tôn trọng các nhà sáng chế, trân trọng các sáng chế mà họ đóng góp cho xã hội.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**: SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
2. **Học sinh**: SGK, đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động** | [- GV tổ chức cho HS khởi](https://blogtailieu.com/) động thông qua trả lời một số câu hỏi sau:  + Hôm trước các em học bài gì?  [+ Chia sẻ hiểu biết](https://blogtailieu.com/) của mình về các nhà sáng chế mà em biết?  - [HS suy nghĩ và trả l](https://blogtailieu.com/)ời câu hòi.  - [GV gọi 1 - 2 HS trả](https://blogtailieu.com/) lời câu hỏi, HS khác nhận xét, góp ý[.](https://blogtailieu.com/)  - [GV nhận xét và kết](https://blogtailieu.com/) luận, dẫn dắt vào bài mới | + Trả lời: ...  + HS trả lời theo hiểu biết của mình.  - HS khác nhận xét, góp ý[.](https://blogtailieu.com/)  - Lắng nghe |
| **2. Khám phá** | - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận theo nhóm đôi: quan sát trục thời gian và thực hiện nhiệm vụ tương ứng trong sách vào phiếu.  A green rectangular object with white text  AI-generated content may be incorrect.  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - GV nhận xét, tuyên dương.  + Ai là người sáng chế động cơ hơi nước?  + Ai là người sáng chế ra điện thoại?  + Ai là người sáng chế bóng đèn sợi đốt?  + Ai là người sáng chế ô tô?  **- Hãy kể tóm tắt những điều em biết về người đã sáng chế ra các sáng chế đó?**  - GV nhận xét, tuyên dương và giới thiệu thêm về lịch sử sáng chế một số sáng chế như: Máy bay (1906), động cơ điện (1828),… | - Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.  + 1784: Giêm Oát được cấp bằng sáng chế cho động cơ hơi nước.  + 1876: A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo được cấp bằng sáng chế cho chiếc điện thoại.  + 1879: Ê-đi-xơn được cấp bằng sáng chế cho bóng đèn sợi đốt.  + 1886: Các Ben được cấp bằng sáng chế cho chiếc ô tô.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe  + Giêm Oát  + A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo  + Ê-đi-xơn  + Các Ben  - HS trả lời cá nhân  - HS lắng nghe, thoi dõi |
| **3. Luyện tập - Thực hành** | - Yêu cầu HS hoạt động nhóm 6 vào giấy A3  **A light bulb with a light bulb and text  AI-generated content may be incorrect.**- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - GV nhận xét, tuyên dương  ***Kết luận***: ***Trong lịch sử có một số sáng chế tiêu biểu, góp phần thay đổi xã hội loài người với các sáng chế của họ. Có thể kể đến như Giêm Oát với động cơ hơi nước (1784), A-lếch-xan-dơ Gra-ham Beo với điện thoại (1876), To-mát Ê-đi-xơn với bóng đèn sợi đốt (1879), Các Ben vứi ô tô (1886),…*** | - Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.  1. Nhà sáng chế: Tô-mát Ê-đi-xơn  2. Năm sáng chế: tháng 3 năm 1878.  3. Vai trò: Chiếu sáng và sưởi ấm cho con người vào buổi tối.  4. Ưu điểm: Giúp con người thuận tiện hơn khi làm việc và sinh hoạt vào buổi tối.  5. Tỏa ra rất nhiều nhiệt. Vì vậy nếu như không may va chạm vào bóng đèn có thể bị thương. Bóng đèn sợi tiêu tốn nhiều điện năng.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - Theo dõi, lắng nghe  - HS đọc |
| **4. Vận dụng** | - GV giao nhiệm vụ HS về nhà sưu tầm tranh ảnh hoặc tìm trên internet, truyện, sách báo về lịch sử sáng chế ra các sản phẩm công nghệ  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy.  - Dặn dò nhắc nhở HS xem và chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe, về nhà thực hiện.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CÔNG NGHỆ: Tiết 6**

**Bài 2: NHÀ SÁNG CHẾ (Tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học, giúp HS:

Năng lực công nghệ: Nêu được lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.

- Năng lực tự chủ, tự học: HS được khuyến khích tìm hiểu về vai trò các sáng chế được sử dụng trong gia đình và đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ những ngữ liệu cho sẵn trong bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia vào các hoạt động học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tôn trọng các nhà sáng chế, trân trọng các sáng chế mà họ đóng góp cho xã hội.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**: SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
2. **Học sinh**: SGK, đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động** | [- GV tổ chức cho HS chơi](https://blogtailieu.com/) trò chơi “Vòng quay may mắn”  - Cách chơi: GV cho HS chọn bất kì 1 trong 3 câu hỏi và trả lời nếu trả lời đúng sẽ quay vòng quay để nhận phần thưởng, trả lời sai sẽ nhường quyền trả lời cho HS khác  + Câu 1: Ai là người sáng chế ra động cơ hơi nước?  + Câu 2: Bóng đèn sợi đốt của Tô-mát Ê-đi-xơn được cấp bằng sáng chế vào năm nào?  + Câu 3: Nhà sáng chế A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo là người nước nào?  - GV nhận xét, khen HS tham gia chơi đồng thời dẫn dắt vào bài mới | - HS lắng nghe luật chơi và tham gia chơi.  + Câu 1: Giêm Oát  + Câu 2: 1879  + Câu 3: Nước Xcốt-len  - Lắng nghe |
| **2. Khám phá** | **Hoạt động khám phá.**  - Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận theo nhóm 4 lựa chọn các thẻ mô tả đức tính cần có để trở thành một nhà sáng chế.  A group of text boxes  AI-generated content may be incorrect.  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - Yêu cầu các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:  ***Một số đức tính để trở thành nhà sáng chế là: kiên trì, tò mò khoa học, chịu khó quan sát, chăm chỉ, đam mê, không ngại thất bại, thông minh, sáng tạo, nghị lực, ham học hỏi*** | - Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  *+ Một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế là: kiên trì, tò mò khoa học, chịu khó quan sát, chăm chỉ, đam mê, không ngại thất bại, thông minh, sáng tạo, nghị lực, ham học hỏi*  *-* Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe, thoi dõi |
| **3. Luyện tập - Thực hành** | - Yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - GV nhận xét, tuyên dương  ***Kết luận: Ghi nhớ (SGK trang 13).*** | - Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe  - HS đọc |
| **4. Vận dụng** | - GV cho HS đọc câu chuyện **“*Chiếc máy tính điện tử đầu tiên”***  - Yêu cầu HS về nhà chia sẻ cùng người thân về những sáng kiến mà em biết và những đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế mà em có thể học tập  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - HS đọc cá nhân  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |

**Toán: Tiết 35**

**BÀI 16. CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hiện được việc chuyển đổi giữa các đơn vị đo diện tích đã học.

- Vận dụng được việc chuyển đổi giữa các đơn vị đo diện tích đã học để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

- Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV mở bài hát vui vẻ để khởi động  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS khởi động theo bài hát  - HS lắng nghe. |
| Luyện tập | Bài 1  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV mời HS quan sát hình ảnh của bài tập trong SGK trang 58.  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi.  - Mời HS báo cáo kết quả  - Mời HS nhận xét  - GV nhận xét  - Yêu cầu HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học  Bài 2  - GV yêu cầu HS đọc đề bài và làm vào vở  - Mời HS nối tiếp chia sẻ kết quả  - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai). | - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.  - HS quan sát hình ảnh.  - Thảo luận  - Đại diện báo cáo  + Diện tích mặt sàn căn hộ:  94 m2  + Diện tích chiếc khăm mặt:  225 cm2  + Diện tích tỉnh Lạng Sơn:  8 310 km2  - Nhận xét, bổ sung  - Lắng nghe  - Nhắc lại  - Lớp làm bài  - Mỗi HS chia sẻ 1 ý  a) 30 dm2 = 0,3 m2  271 mm2 = 0,0271 dm2  54 m2 = 0,0054 ha  b) 3 m2 7 dm2 = 3,07 m2  8 cm2 10 mm2 = 8,1 cm2  12 km2 50 ha = 12,5 km2 |
| Vận dụng | Bài 3  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả.  - GV gọi HS nêu kết quả.  - GV nhận xét.  Bài 4  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân vào vở.  - GV gọi HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - GV dặn dò bài về nhà. | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS thảo luận nhóm, thống nhất kết quả.  - HS nêu kết quả.  + Diện tích của ô cửa sổ đó là:  1 x = (m2) = 0,6 m2 = 60 dm2  + Đáp án D  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  - HS thực hiện cá nhân vào vở.  - HS trình bày bài làm của mình.  Bài giải  Số mét vuông đất bác Tư dùng để xây nhà là:  1 - = (ha) = 1 000 m2  Đáp số: 1 000 m2  - HS lắng nghe. |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Hoạt động trải nghiệm: Tiết 18**

**SINH HOẠT LỚP: HỢP TÁC ĐỂ THỰC HIỆN SẢN PHẨM CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học sinh áp dụng các nguyên tác hợp tác để thực hiện sản phẩm chung

- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

- Năng lực tự chủ, tự học: Bản thân tự tin, chủ động chia sẻ những hiểu biết của mình trong việc thiết kế để làm chung và để thuyết trình một sản phẩm trước lớp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng nguyên tác hợp tác với mọi người trong học tập và rèn luyện hàng ngày.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ, trao đổi, hỏi và trả lời với bạn trong làm việc nhóm và trình bày ý tưởng làm chung để giữ gìn tình bạn trong rèn luyện, học tập.

- Tôn trọng, yêu quý và cảm thông với bạn trước sự thể hiện khả năng bản thân.

- Có ý thức với lớp, tôn trọng nền nếp, nội quy lớp học. Nhiệt tình chia sẻ ý kiến và đóng góp ý kiến cho bạn cho tập thể lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên**: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh:** SGK, vở ghi chép, vật liệu phục vụ cho việc học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Khởi động | - GV cho lớp hát bài: Lớp chúng ta đoàn kết của nhạc sĩ Mộng Lân  + Bài hát nói về điều gì?  + Trong lớp học bạn bè cư xử với nhau như thế nào?  + Lớp đoàn kết thì cảm xúc của các bạn trong lớp thấy như thế nào?  - GV kiểm tra việc chuẩn bị của HS ở nhà mà GV đã dặn ở tiết học trước.  - GV nhận xét, tuyên dương về việc chuẩn bị bài ở nhà của HS.  - GV dẫn dắt vào tiết học mới, ghi đề lên bảng. | - HS vỗ tay, hát  + Bài hát nói về tình đoàn kết của các học sinh trong lớp  + Các bạn coi nhau như anh em trong ột nhà, hỗ trợ nhau, giúpnhau cùng tiến bộ.  + Các bạn đều vui, thi đua nhau cùng học tốt.  - HS để đồ dùng dự kiến thực hiện đã chuẩn bị ở nhà lên bàn.  - 2 HS cùng bàn kiểm tra lẫn nhau, báo cáo.  - HS lắng nghe. |
| Thực hành | 1. Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ)  - GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:  + Sinh hoạt nền nếp.  + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  + Một số nội dung phát sinh trong tuần...  - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo.  - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)  2. Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)  - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.  3. Chia sẻ và thực hiện ý tưởng sản phẩm chung (Làm việc theo nhóm)  - GV hướng dẫn học sinh tổ chức thảo luận ghi chép thảo luận thực hiện các bước và hoàn thành sản phẩm chung Stem như đã chuẩ bị  - GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thực hiện theo ý tưởng nhiệm vụ của nhóm mình.  - Yêu cầu từng thành viên trong nhóm trình bày nội dung của mình thực hiện  Các bạn khác đặt câu hỏi để tìm hiểu sâu thêm về vấn đề được trình bày.  - GV nhận xét chung, tuyên dương khả năng trình bày và sản phẩm của học sinh  - GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ sau khi thực hiện sản phẩm chung.  - GV nhận xét- kết luận: Khi thực hiện chung một sản phẩm học tập, việc áp dụng các nguyên tắc hợp tác sẽ giúp chúng ta tránh được những bất đồng, mâu thuẫn, biết lắng nghe nhau để hỗ trợ lẫn nhau, huy động được mặt mạnh của mỗi thành viên trong tập thể.  \* Nhận xét mức độ hợp tác giữa các thành viên trong nhóm:  - Đại diện thư ký nhóm chia sẻ những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện sản phẩm và các vấn đề.  - Nhận xét mức độ hợp tác giữa các thành viên trong nhóm: chưa hợp tác, hợp tác, hợp tác rất tốt và hiệu quả.  - GV nhận xét kết luận:  Việc có nảy sinh vấn đề là điều không tránh khỏi khi hoạt động nhóm. Nhưng cách giải quyết vấn đề dựa trên nguyên tắc làm việc nhóm sẽ mang lại cảm xúc tích cực, chia sẻ, tôn trọng, tự hào khi cùng nhau vượt qua khó khăn và đón nhận thành quả chung. | - Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.  - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn  - Các nhóm trưng bày sản phẩm  - Từng HS trình bày trước lớp. Cả lớp nhận xét, đặt câu hỏi. HS trả lời thắc mắc của bạn.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Cả lớp thực hiện (đi 1 vòng) tham khảo sản phẩm các nhóm bạn  - Về ngồi vào vị trí.  - HS chia sẻ: bản thân học thêm được điều gì? Gặp khó khăn gì khi thực hiện sản phẩm chung?  - HS trả lời: thêm kiến thức cách thực hiện khoa học từ bạn bè, tính kiên trì đoàn kết nhường nhịn, chia sẻ. Ngại ngùng khi đưa ra ý tưởng với bạn, khó tìm ra được ý tưởng sáng tạo, làm sản phẩm thiếu tự tin chưa đẹp…  - Học sinh tự đánh giá, các nhóm đánh giá lẫn nhau, chọn khen nhóm thực hiện tốt.  - Lắng nghe  - Chia sẻ  - Lắng nghe |
| Vận dụng | - GV yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà chia sẻ với người thân về vận dụng nguyên tắc hợp tác trong sinh hoạt và học tập và rèn luyện chung, thực hiện theo nguyên tác hợp tác trong các hoạt động với mọi người.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà chuẩn bị bài tuần 7 | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng thực hiện  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |

***Rút kinh nghiệm:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................................